

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài	2
3. Phương pháp nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài	3
6. Kết quả dự kiến đạt được	4
7. Nội dung của luận văn	4
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC	5
1.1 Cơ sở lý luận về công tác quản lý nhà nước về dân tộc	5
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của công tác dân tộc	5
1.1.2 Những vấn đề cơ bản của chính sách dân tộc	11
1.1.3 Nội dung công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện	13
1.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện	14
1.1.5 Quy định của nhà nước đối với công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện	17
1.2 Cơ sở thực tiễn về công tác quản lý nhà nước về dân tộc	18
1.2.1 Kinh nghiệm quản lý nhà nước về dân tộc ở một số địa phương	18
1.2.2 Những bài học rút ra cho huyện Võ Nhai	19
1.3 Các công trình nghiên cứu có liên quan	20
Kết luận chương 1	21
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN	23
2.1 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	23
2.1.1 Đặc điểm tự nhiên	23

2.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội	25
2.2 Khái quát về cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai	27
2.2.1 Phòng Dân tộc huyện Võ Nhai	27
2.2.2 Các cơ quan có liên quan	29
2.2.3 Tình hình các dân tộc tại huyện Võ Nhai	30
2.3 Thực trạng về công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	38
2.3.1 Công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS	38
2.3.2 Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS	41
2.3.3. Công tác triển khai các chính sách dân tộc	43
2.3.4 Công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện	54
2.3.5 Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị trên địa bàn huyện	55
2.4 Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai	56
2.4.1 Những kết quả đạt được	56
2.4.2 Những hạn chế	57
2.4.3 Nguyên nhân của những hạn chế	58
Kết luận chương 2	59
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC HUYỆN VÕ NHAİ	61
3.1 Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai trong thời gian tới	61
3.1.1 Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội	61
3.1.2 Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu	63
3.2 Những cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại huyện Võ Nhai	64
3.2.1 Cơ hội	64
3.2.2 Thách thức, khó khăn	65
3.3 Nguyên tắc đề xuất giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai	68
3.4 Những giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân	

tộc huyện Võ Nhai	68
3.4.1 Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc	68
3.4.2 Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS	72
3.4.3 Phát huy vai trò của các cơ quan chuyên môn, cán bộ làm công tác dân tộc trong cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc	74
3.4.4 Tăng cường trách nhiệm và phát huy vai trò lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp xã	76
3.4.5 Huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức đoàn thể vào công tác quản lý nhà nước về dân tộc	78
3.4.6 Tăng cường sự tham gia của đồng bào DTTS vào công tác quản lý nhà nước về dân tộc	84
Kết luận chương 3	85
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	86
1. Kết luận	86
2. Kiến nghị	87
2.1 Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Dân tộc Trung ương	87
2.2 Kiến nghị với tỉnh Thái Nguyên	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 2.1 Bản đồ hành chính huyện Võ Nhai	23
Hình 2.2 Cơ cấu tỷ trọng các ngành kinh tế huyện Võ Nhai giai đoạn 2016-2019	26
Hình 2.3 Cơ cấu các dân tộc huyện Võ Nhai năm 2018	32
Hình 2.4 Số người dân tộc thiểu số của các xã trong huyện năm 2018	32
Hình 2.5 Dân tộc Tày	34
Hình 2.6 Dân tộc Nùng	34
Hình 2.7 Dân tộc Mông	36
Hình 2.8 Dân tộc Dao	36
Hình 2.9 Tỷ lệ hộ nghèo huyện Võ Nhai năm 2018	38

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của huyện giai đoạn 2016-2019	26
Bảng 2.2 Thống kê dân số huyện Võ Nhai theo dân tộc đến năm 2018	31
Bảng 2.3 Tỷ lệ hộ nghèo huyện Võ Nhai năm 2018 chia theo các dân tộc	37
Bảng 2.4 Kết quả công tác triển khai, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2019	41
Bảng 2.5 Tổng hợp kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2018	44
Bảng 2.6 Số lượng, cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị huyện Võ Nhai năm 2018	56

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ATK: An toàn khu.

DTTS: Dân tộc thiểu số.

ĐBKK: Đặc biệt khó khăn.

HĐND: Hội đồng nhân dân.

NTM: Nông thôn mới.

UBND: Ủy ban nhân dân.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Các dân tộc thiểu số (DTTS) nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất. Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với những nội dung cơ bản là: "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển". Đồng thời Đảng ta cũng xác định công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị. Điều đó đã được thể hiện bằng những văn bản có tính chất pháp lý như: Nghị quyết 22- NQ/TW, ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị Trung ương 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Kết luận số 57-KL/TW ngày 3/11/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Võ Nhai là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên, có tổng diện tích tự nhiên là 83.943ha, dân số khoảng 68.177 người (số liệu năm 2018), trong đó người DTTS chiếm gần 70%; toàn huyện có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 14 xã và 01 thị trấn. Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở, sự tích cực, quyết tâm khắc phục khó khăn, đoàn kết, vươn lên của nhân dân các dân tộc trong huyện, kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục từng bước được khẳng định, an ninh, quốc phòng được củng cố và giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về dân tộc được cấp ủy, chính quyền huyện quan tâm, các chính sách dân tộc được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Tuy nhiên những năm gần đây một số bộ phận người dân tộc Mông có biểu hiện tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở một số địa phương trong huyện. Nếu không có những giải pháp tốt trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện sẽ rất khó khăn trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của huyện trong thời gian tới.

Xuất phát từ những yêu cầu và thực tiễn trong, học viện lựa chọn đề tài **“Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai”** làm đề tài có tính cấp thiết và ý nghĩa cho luận văn của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Mục đích của đề tài là thông qua nghiên cứu tình hình công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện nhằm tìm ra những giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai trong thời gian tới đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và thúc đẩy phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp điều tra, khảo sát: Tiến hành điều tra, khảo sát các thông tin trong vùng đồng bào DTTS, các xã, thị trấn về kinh tế - xã hội, các thông tin có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về dân tộc để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp thống kê: Thống kê các số liệu có liên quan đến công tác dân tộc, kết quả triển khai các chính sách dân tộc tại các cơ quan, phòng ban có liên quan thuộc UBND huyện, các xã thị trấn trên địa bàn huyện.
- Phương pháp hệ thống hóa: Hệ thống các số liệu đã điều tra, thu thập, thống kê được bằng các bảng biểu.
- Phương pháp phân tích so sánh: Phân tích các số liệu, các thông tin, so sánh với cùng kỳ hoặc các khu vực, các đơn vị khác nhau để rút ra những kết luận.
- Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở phân tích các mặt, các nội dung trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc trong thời gian nghiên cứu, tiến hành tổng hợp lại, rút ra những kết luận và đề ra những giải pháp trong thời gian tới.
- Phương pháp đối chiếu với hệ thống văn bản pháp quy.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a, Đối tượng nghiên cứu

Luận văn chủ yếu nghiên cứu về hệ thống lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc ở huyện Võ Nhai để có những giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc của huyện phù hợp hơn với đặc thù về dân tộc địa phương và của Việt Nam.

b, Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Nghiên cứu một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về công tác quản lý nhà nước về dân tộc ở cấp huyện.
- Phạm vi về thời gian: Công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai giai đoạn 2016-2018 và đề ra những biện pháp trong thời gian tới.
- Phạm vi về không gian: Đánh giá công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

a, Ý nghĩa khoa học

Những kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề về công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện, thị.

b, Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài nghiên cứu nhằm giúp các nhà quản lý đề ra những chủ trương, biện pháp hợp thực tế trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

6. Kết quả dự kiến đạt được

Kết quả dự kiến đạt được bao gồm:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn công tác quản lý nhà nước về dân tộc.
- Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
- Đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai trong thời gian tới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

7. Nội dung của luận văn

Luận Văn ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, gồm 3 Nội dung chính sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC

1.1 Cơ sở lý luận về công tác quản lý nhà nước về dân tộc

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của công tác dân tộc

1.1.1.1 Khái niệm công tác dân tộc

Ngay từ thời dựng nước, Việt Nam đã là quốc gia đa dân tộc (tộc người). Trong tiến trình phát triển hàng ngàn năm, các dân tộc dù quá trình tộc người khác nhau nhưng luôn luôn sát cánh bên nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với truyền thống: “Bầu ơi thương lấy bí cùng; tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. Cái “giàn” mà ông cha ta đã tổng kết chính là Tổ quốc Việt Nam của tất cả chúng ta. Xuất phát từ đặc điểm đó, ông cha ta đã thực thi nhiều biện pháp nhằm giải quyết vấn đề dân tộc trước yêu cầu phát triển quốc gia, đặc biệt là trong thời cổ trung đại và di sản về vấn đề dân tộc trong lịch sử đã để lại nhiều bài học quý giá cho hôm nay khi giải quyết vấn đề dân tộc. Chính vì vậy, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định vấn đề dân tộc có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Công tác dân tộc có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng nó vừa có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đồng thời củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Đảng ta đã xác định công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định: “*Công tác dân tộc*” là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các DTTS cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân[1].

Nói cách khác công tác dân tộc là các hoạt động nhằm đảm bảo và thúc đẩy sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển, tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.1.2 Đặc điểm của công tác dân tộc

Việt Nam là quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc (53 dân tộc thiểu số chiếm 14% dân số cả nước, cư trú chủ yếu ở miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới), cùng cư trú, tồn tại và phát triển trên lãnh thổ Việt Nam, đã sớm hình thành các đặc điểm cơ bản:

- *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam chung sống đoàn kết, hoà hợp.* Ngay từ thuở khai sinh, các dân tộc phải cố kết, chung sức, chung lòng chống chọi với thiên nhiên, bão lũ; tinh thần đoàn kết càng được phát huy hơn trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc. Trong sự nghiệp cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống đoàn kết, thống nhất dân tộc không ngừng được củng cố và phát triển, tạo nên sức mạnh vĩ đại để chiến thắng thiên tai, chiến thắng thù trong, giặc ngoài đem lại thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- *Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, nhưng không có sự phân chia lãnh thổ và chế độ xã hội riêng.* Hình thái cư trú xen kẽ nhiều dân tộc anh em, phản ánh mối quan hệ đoàn kết, thống nhất của cộng đồng dân tộc Việt Nam trong một quốc gia. Những năm gần đây, gắn liền với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tính chất đan xen đó càng tăng lên. Hiện nay, ở miền núi hầu như không có tỉnh, huyện nào chỉ có một cộng đồng hai dân tộc sinh sống, như: Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng... Do địa bàn cư trú, phong tục tập quán và tâm lý, lối sống của các dân tộc, nên trình độ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, miền dân tộc không đồng đều. Một số dân tộc có dân số ít, ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp khó khăn, như: Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu...

- *Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, tạo nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng, phong phú, thống nhất.* Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán, tâm lý, lối sống, tín ngưỡng tôn giáo mang tính đặc thù, tạo nên những sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc, tồn tại và phát triển trong tính đa dạng và thống nhất của nền văn hóa các dân tộc Việt Nam.

- *Địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, đối ngoại và bảo vệ bền vững môi*

trường sinh thái. Đồng bào cư trú suốt dọc tuyến biên giới phía Bắc, Tây và Tây Nam, có nhiều cửa ngõ thông thương giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây là địa bàn có nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng, có hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước và bảo vệ bền vững môi trường sinh thái. Trong tình hình hiện nay, miền núi là địa bàn tiềm năng, mang tính chiến lược, cơ bản cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Kinh tế ở miền núi, các dân tộc thiểu số còn chậm phát triển, tình trạng du canh, du cư, di dân tự do vẫn còn diễn biến phức tạp. Kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, dịch vụ) ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng vẫn còn khó khăn, nhiều nơi môi trường sinh thái tiếp tục bị suy thoái.

- Tỷ lệ hộ đói nghèo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi cao hơn so với bình quân chung cả nước, khoảng cách chênh lệch về mức sống, về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, giữa các vùng ngày càng gia tăng; chất lượng, hiệu quả về giáo dục đào tạo còn thấp, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một, một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển.

- Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn yếu, tỉ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học thấp. Năng lực, trình độ cán bộ xã, phường còn hạn chế, số lượng đảng viên là người dân tộc thiểu số thấp, vẫn còn thôn bản chưa có đảng viên. Hoạt động của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và đoàn thể ở nhiều nơi chưa sát dân, chưa tập hợp được đồng bào.

- Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng những khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động tư tưởng ly khai, tự trị, phá hoại truyền thống đoàn kết và thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, gây mất ổn định chính trị, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm.

Xuất phát từ những đặc điểm trong, công tác dân tộc cũng có những đặc điểm tương đồng:

- Dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài; đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của công cuộc đổi mới đất nước. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, yêu thương, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ,

thực hiện

thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội.

- Thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc là quan điểm nhất quán của Đảng ta trong giải quyết vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc. Các dân tộc có dân số dù ít hay nhiều, ở trình độ phát triển cao hay thấp đều bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh

- quốc phòng, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở lấy mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; tập hợp, đoàn kết mọi người vào một mặt trận chung, tăng cường đối thoại xã hội, đảm bảo thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Luôn tôn trọng lẫn nhau về lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán của các dân tộc; dân tộc có trình độ phát triển cao phải có trách nhiệm giúp đỡ dân tộc có trình độ phát triển thấp, vùng kinh tế - xã hội phát triển phải giúp đỡ vùng kinh tế - xã hội chậm phát triển, nhằm đảm bảo các dân tộc có điều kiện phát triển toàn diện, tiến kịp trình độ phát triển chung của cả nước. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ đoàn kết dân tộc; tránh tư tưởng kỳ thị dân tộc, tư tưởng ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của Trung ương và tương trợ của dân tộc khác.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

1.1.1.3 Vai trò của công tác dân tộc

Vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng

nước ta. Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược

của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác dân tộc có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng nó vừa có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đồng thời củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Đảng ta đã xác định công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị .

Đây là vấn đề có ý nghĩa then chốt trong việc xác định nguyên tắc cũng như chính sách của Đảng ta về vấn đề dân tộc. Đại hội Đảng lần thứ IV xác định: Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong tất cả các văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới đều xác định vị trí của vấn đề dân tộc trên hành trình đổi mới của đất nước. Đó là vấn đề “có vị trí chiến lược lớn”, “luôn luôn có vị trí chiến lược”, “có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta”.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX lần thứ bảy đã ra nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng ta về vấn đề này trong kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết chỉ rõ: Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xem vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với nội dung cơ bản là: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển” [2]. Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Trên cơ sở đánh giá toàn diện vấn đề dân tộc và xuất phát từ yêu cầu của tình hình mới, Nghị quyết khẳng định: Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên, vấn đề dân tộc được xác định là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài có tính xuyên suốt trong toàn bộ tiến trình phát triển của cách mạng nước ta, đồng thời Đảng ta còn xác định đây là vấn đề cấp bách. Đây là luận điểm rất quan trọng thể

hiện tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới trong bối cảnh quốc gia và quốc tế của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Việc xác định vị trí của vấn đề dân tộc của Đảng trên chính là xuất phát từ đặc điểm của cộng đồng quốc gia dân tộc ở nước ta và coi đó là bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước. Đây là cơ sở rất quan trọng để từ đó định ra các nguyên tắc cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Lênin đã từng chỉ rõ: “những sai biệt về mặt dân tộc và quốc gia giữa các dân tộc và các nước, những sai biệt này sẽ còn tồn tại lâu dài ngay cả sau khi nền chuyên chính vô sản được thiết lập trong phạm vi toàn thế giới”. Điều đó cho thấy chừng nào còn có sự khác biệt về dân tộc thì dân tộc vẫn tồn tại và vẫn còn cơ sở xã hội và thực tiễn cũng như nguy cơ tiềm ẩn mâu thuẫn dân tộc và xung đột dân tộc, do đó, vấn đề dân tộc vẫn tiếp tục đặt ra.

Đối với nước ta, vấn đề DTTS vừa là vấn đề giai cấp, vừa là vấn đề miền núi, vừa là vấn đề biên cương, vấn đề an ninh quốc gia và chủ quyền lãnh thổ, đồng thời đây cũng là vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, mà Đảng ta đã đề ra. Bài học của nhiều quốc gia trên thế giới những năm cuối thế kỷ XX cho thấy nếu coi nhẹ vấn đề dân tộc và không xác định đúng vị trí vấn đề dân tộc trong chiến lược phát triển quốc gia thì tất yếu dẫn đến xung đột dân tộc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến sự tồn vong quốc gia.

Sự tồn tại lâu dài của vấn đề dân tộc nhất là trong điều kiện quốc gia đa tộc người, đa dạng về văn hóa là đặc điểm lớn ở nước ta, là đặc trưng diện mạo lịch sử, văn hóa Việt Nam. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Từ Hiến pháp năm 1946 cho đến bản Hiến pháp gần đây nhất là Hiến pháp năm 2013) đã ghi nhận và khẳng định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc đó là:

- Kiên trì, nhất quán thực hiện chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng tiến bộ, đảm bảo ổn định, phát triển và hội nhập.

- Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; đẩy mạnh giảm nghèo vùng DTTS, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; giảm dần vùng đặc biệt khó khăn; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng DTTS; phát triển nguồn nhân lực vùng dân thiểu số; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng.

Khi xác định vấn đề dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, Đảng ta đã quán triệt sâu sắc các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta. Điều này tiếp tục được khẳng định trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách của Nhà nước trong những năm đổi mới vừa qua, đặt nền tảng quan trọng để Đảng và Nhà nước ta xây dựng đường lối, chính sách dân tộc đúng đắn, giải quyết thành công vấn đề dân tộc.

1.1.2 Những vấn đề cơ bản của chính sách dân tộc

Nội dung của chính sách dân tộc trong từng thời kỳ, đặc biệt là thời kỳ đổi mới Đảng và Nhà nước ta tập trung vào các nội dung cơ bản sau đây:

- Chính sách về phát triển kinh tế vùng các DTTS: Nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của vùng đồng bào các dân tộc, gắn với kế hoạch phát triển chung của cả nước, đưa vùng đồng bào các DTTS cùng cả nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là một trong những vấn đề có vị trí đặc biệt trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong hoàn cảnh và điều kiện mới với mục tiêu tạo sự chuyển biến căn bản diện mạo và đời sống đồng bào các DTTS.
- Chính sách xã hội tập trung vào các vấn đề giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế: Nhằm nâng cao năng lực, tạo tiền đề và các cơ hội để các dân tộc có đầy đủ các điều kiện tham gia vào quá trình phát triển, để trên cơ sở đó không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào.
- Chính sách liên quan đến quốc phòng - an ninh: Nhằm củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kết dân tộc và quan hệ dân tộc trong mối liên hệ tộc người, giữa các tộc người và liên quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI mở đầu công cuộc đổi mới đã khẳng định: Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc. Trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở những nơi có đông đồng bào các DTTS, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, phát triển mối quan hệ gắn bó tốt đẹp giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng làm chủ tập thể; kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ. Chống những thái độ và những biểu thị tư tưởng “dân tộc lớn” và những biểu hiện của “dân tộc hẹp hòi”.

Để triển khai những định hướng cơ bản đó, ngày 27/11/1989, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Tiếp sau đó, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã thể chế hóa bằng Quyết định số 72-HĐBT ngày 13-2-1990 về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Đây là hai văn kiện quan trọng đánh dấu sự đổi mới hoạt động công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

Từ những định hướng quan trọng đó, bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã vạch ra những nội dung cơ bản về chính sách phát triển kinh tế - xã hội và quan hệ dân tộc và làm rõ thêm: “Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta [3]. Có chính sách *phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng DTTS* phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, đảm bảo cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn về chữ viết đối với các dân tộc. Đặc biệt có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người”.

Cùng với tiến trình đổi mới, vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta tiếp tục được Đảng ta bổ sung và cụ thể hóa. Đại hội Đảng lần thứ XII xác định: Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân... Xây dựng Luật dân tộc. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bằng nhiều biện pháp tích cực và vững chắc,

thực hiện cho được ba mục tiêu chủ yếu: xóa được đói, giảm được nghèo, ổn định và cải thiện được đời sống, sức khỏe của đồng bào các dân tộc, đồng bào vùng cao, vùng biên giới; xóa được mù chữ, nâng cao dân trí, tôn trọng và phát huy bản sắc tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng được cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc ở các vùng, các cấp trong sạch, vững mạnh [4].

1.1.3 Nội dung công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về lĩnh vực công tác dân tộc.
- Tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; tiêu chí phân định vùng dân tộc theo trình độ phát triển, tiêu chí xác định thành phần dân tộc, tiêu chí về chuẩn đói nghèo đối với vùng DTTS; chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS.
- Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc ở cấp huyện; thực hiện phân công, phân cấp có hiệu quả trong lĩnh vực công tác dân tộc.
- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS.
- Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng DTTS; việc chấp hành pháp luật về công tác dân tộc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.
- Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều biện pháp, hình thức để đồng bào các dân tộc hiểu rõ và chủ động tham gia vào quá trình thực hiện.
- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị và cán bộ trong cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện.
- Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc.
- Thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của huyện.

- Tổng kết thực tiễn tình hình công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc.

1.1.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện

Công tác quản lý nhà nước về dân tộc ở cấp huyện chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố bao gồm cả yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan.

1.1.4.1 Yếu tố khách quan

Bao gồm các yếu tố sau:

- ***Đặc điểm về tự nhiên, xã hội của huyện***

Phạm vi, đối tượng quản lý nhà nước về dân tộc ở cấp huyện là vùng dân tộc, miền núi của huyện, bao gồm các xã đặc biệt khó khăn, xóm đặc biệt khó khăn. Đây là vùng có địa bàn phức tạp, thuộc vùng sâu, vùng xa, địa hình thường bị ngăn cách bởi các sông suối, các dãy núi đá đi lại rất khó khăn; xuất phát điểm thấp, trình độ phát triển chưa cao, dân cư phần lớn sống phân tán và thuộc nhóm có thu nhập thấp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao; một bộ phận đồng bào còn chưa biết chữ, không thể nghe và nói được tiếng Kinh. Trình độ dân trí còn hạn chế, còn chịu ảnh hưởng nhiều của phong tục tập quán sản xuất và sinh hoạt lạc hậu.

Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về dân tộc của huyện.

- ***Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện***

Sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện ảnh hưởng rất lớn đến công tác dân tộc trên địa bàn. Nếu kinh tế phát triển, huyện có nhiều nguồn lực đầu tư hơn cho vùng đồng bào DTTS, thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng này phát triển sẽ giúp cho công tác dân tộc có hiệu quả. Ngược lại khi kinh tế còn kém phát triển là trở ngại rất lớn đến công tác vận động đồng bào dân tộc chấp hành tốt các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mục tiêu của công tác quản lý nhà nước về dân tộc là phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững vùng đồng bào DTTS, giúp xóa đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc, giảm dần khu vực đặc biệt khó khăn. Vì vậy khi kinh tế phát triển sẽ tạo ra tiền đề, cơ sở để thực hiện nhiệm vụ này, hay nói cách khác nó là công cụ, là động lực của công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- *Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS*

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng dân tộc cũng là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về dân tộc ở cấp huyện. Khi tình hình an ninh chính trị ổn định thì đồng bào sẽ yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế tiến tới xóa đói, giảm nghèo, chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giúp cho các chính sách dân tộc triển khai được hiệu quả. Ngược lại, khi vùng đồng bào DTTS bị các thế lực thù địch, các tổ chức bất hợp pháp, các tà đạo lợi dụng, kích động đồng bào chống đối lại các chính sách, các chủ trương của Đảng và Nhà nước sẽ tạo ra sự bất lợi cho địa phương cũng như bản thân đồng bào trong ổn định đời sống, không chú trọng phát triển kinh tế, làm mất an ninh trật tự dẫn đến tạo ra những điểm nóng... khó khăn cho công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác dân tộc nói riêng.

- *Đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội của vùng đồng bào DTTS*

Mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đều bình đẳng, có chung chế độ chính trị, nhà nước, pháp luật ... nhưng lại có đặc điểm lịch sử phát triển, yếu tố văn hóa tộc người (tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán...) riêng của mình. Các dân tộc có nền văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo tín ngưỡng truyền thống riêng, hình thành và phát triển không giống nhau; đặc biệt có những dân tộc rất ít người không tự phát triển. Vì vậy công tác quản lý nhà nước về dân tộc không thể không căn cứ vào những yếu tố văn hóa, xã hội của các dân tộc, của vùng để có những định hướng cho phù hợp, có những phương pháp khác nhau hoặc phải kết hợp rất nhiều phương pháp tổng hợp để thực hiện công tác quản lý đảm bảo hiệu quả nhất.

- *Mức độ phát triển của kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS*

Đây là yếu tố rất quan trọng thúc đẩy công tác dân tộc phát triển, ngoài các kết cấu hạ tầng thiết yếu như: điện, đường, trường, trạm, chợ, trụ sở cơ quan chính quyền cơ sở... thị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cũng rất quan trọng để góp phần cho công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

1.1.4.2 Yếu tố chủ quan

- *Tính chất đặc thù của ngành quản lý nhà nước về dân tộc*

Công tác quản lý nhà nước về dân tộc là công tác tổng hợp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, cần có sự tham gia của nhiều ngành trong hệ thống chính trị. Công tác

dân tộc đòi hỏi phải có sự hiểu biết tổng hợp về đa lĩnh vực, có tâm huyết với đồng bào DTTS, có kiến thức quản lý nhà nước và năng lực chuyên môn tốt. Bên cạnh đó cán bộ làm công tác dân tộc phải am hiểu về đặc điểm các dân tộc, ngôn ngữ, phong tục tập quán và văn hóa truyền thống của đồng bào; phải tích cực gần đồng bào, tôn trọng nhân dân và có năng lực vận động quần chúng. Công tác dân tộc thường xuyên liên quan đến những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh; có địa hình chia cắt phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, những vấn đề nảy sinh phức tạp giữa các vùng giáp ranh... do đó cán bộ phụ trách phải thường xuyên đi cơ sở hơn nhiều ngành khác. Cơ quan quản lý ngành phải thường xuyên đi cơ sở, nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để đề xuất các chủ trương, chính sách phù hợp, đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cơ sở; đồng thời phải tổ chức triển khai thực hiện, công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách dân tộc ở sở, kịp thời phát hiện và xử lý những vấn đề nổi cộm phát sinh ngay từ cơ sở. Do vậy, yếu tố đặc thù của công tác dân tộc là yếu tố chủ quan, tác động không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- *Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc, cơ chế quản lý*

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc hiện nay từ Trung ương đến cấp huyện đã được hoàn thiện, cơ chế hoạt động đã được quy định rõ ràng, thống nhất. Tuy nhiên đối với cấp xã còn khó khăn, chưa thống nhất đồng bộ về cán bộ phụ trách cũng như cách thức hoạt động. Thông thường ở cấp xã chỉ giao cho 01 lãnh đạo UBND và 01 cán bộ chuyên môn phụ trách kiêm nhiệm; tuy nhiên môn xã bố trí các chức danh phụ trách khác nhau, có xã thì trực tiếp Chủ tịch UBND phụ trách, có xã lại giao cho cấp phó, có xã giao cho công chức văn hóa xã hội phụ trách, có xã giao cho công chức văn phòng phụ trách. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai thực hiện công tác dân tộc ở cấp huyện, cấp xã.

- *Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác dân tộc*

Công tác dân tộc mang yếu tố đặc thù nên đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc cũng đòi hỏi phải có những yêu cầu mang tính khác biệt. Vị trí Trưởng phòng Dân tộc huyện thường phải là người DTTS đảm nhiệm. Yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác cũng như sự am hiểu, có kiến thức tổng hợp, đa ngành là những

yếu tố đóng vai trò quyết định đến chất lượng công tác quản lý nhà nước về dân tộc. Bên cạnh đó số lượng biên chế làm công tác này cũng phải đủ đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là việc thường xuyên phải đi cơ sở, những địa bàn khó khăn, phức tạp.

1.1.5 Quy định của nhà nước đối với công tác quản lý nhà nước về dân tộc cấp huyện

Điều 22, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác dân tộc.
- Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.
- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo quy định của pháp luật.
- Cơ quan công tác dân tộc được tổ chức từ Trung ương, tỉnh và cấp huyện thuộc vùng đồng bào dân tộc.

Điều 25, Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, trong đó có UBND huyện gồm:

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và các quy định tại Nghị định này ở địa phương.
- Hằng năm, xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình công tác dân tộc. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và chính sách dân tộc; tổ chức, chỉ đạo thực hiện biện pháp bảo đảm các điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án của địa phương đối với vùng DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

1.2 Cơ sở thực tiễn về công tác quản lý nhà nước về dân tộc

1.2.1 Kinh nghiệm quản lý nhà nước về dân tộc ở một số địa phương

Vấn đề quản lý nhà nước về dân tộc đã được nhiều tỉnh đánh giá tổng kết, cụ thể một số tỉnh như sau:

1.2.1.1 Tỉnh Quảng Ninh

Là tỉnh có 22 thành phần dân tộc, trong đó có 21 DTTS, chiếm trên 12% dân số của tỉnh. Quảng Ninh là tỉnh đã tự chủ về ngân sách nhà nước, đây là điểm tương đồng đối với tỉnh Thái Nguyên trong một hoặc 2 năm nữa sẽ phấn đấu tự chủ về ngân sách. Trong những năm qua Quảng Ninh đã có nhiều thành tựu trong thực hiện công tác dân tộc [5]. Những bài học kinh nghiệm của tỉnh được đánh giá trên các mặt sau:

- Công tác chỉ đạo thực hiện các chính sách dân tộc của các cấp, các ngành phải chủ động và sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ từ người dân được thụ hưởng chính sách.
- Cần có cơ chế phân cấp, phân công cụ thể đối với các cơ quan, ban ngành trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc bởi công tác dân tộc là công tác của đa ngành, đa lĩnh vực, Ban Dân tộc tỉnh không phải là cơ quan chủ trì cũng không phải là cơ quan được phối hợp với nhiều chính sách dành cho đối tượng là người DTTS và vùng DTTS, do đó việc nắm bắt tình hình thực hiện các chính sách gặp nhiều khó khăn.

1.2.1.2 Tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng là một tỉnh miền núi phía Bắc, có khoảng 30 thành phần dân tộc cùng cư trú trên địa bàn, trong đó tỷ lệ người DTTS chiếm trên 95% dân số của tỉnh với 8 dân tộc chính, bao gồm: Tày, Nùng, Dao, Sán Chỉ, Kinh, Lô Lô, Mông và dân tộc Hoa, có số dân chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số dân toàn tỉnh [6]. Đặc biệt dân tộc Mông chiếm 10,13% dân số của tỉnh (số liệu năm 2016), trong đó có trên 430 hộ ở 04 huyện tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh với những hoạt động như: tổ chức “tết trung”, tái dựng “nhà đôn”, hoạt động hội họp bí mật để tổ chức huấn luyện về kiến thức pháp luật và cách thức chống đối lại chính quyền, lực lượng công an... gây khó khăn cho công tác triển khai các chính sách dân tộc của tỉnh. Tuy nhiên với sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy, chính quyền của tỉnh Cao Bằng công tác quản lý nhà nước

về dân tộc trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả khả quan, tình hình hoạt động của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh trong đồng bào Mông được kiểm soát kịp thời, không để diễn biến phức tạp.

* Đối với tỉnh Thái Nguyên trong những năm qua cũng có đồng bào Mông từ các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang di cư về sinh sống tại nhiều huyện trong đó có huyện Võ Nhai. Vì vậy một số bộ phận người Mông ở Thái Nguyên vẫn có sự liên hệ mật thiết với người Mông ở các tỉnh trên, đặc biệt là một số hộ tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh. Những kinh nghiệm trong việc kiểm soát và đấu tranh đẩy lùi hoạt động của các tà đạo, tổ chức tôn giáo bất hợp pháp sẽ rất cần thiết cho huyện Võ Nhai.

1.2.2 Những bài học rút ra cho huyện Võ Nhai

Là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên với thành phần dân tộc đa dạng, tỷ lệ người dân tộc chiếm gần 70% dân số, Võ Nhai có nhiều điểm tương đồng với các địa phương khác trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc. Tuy nhiên công tác dân tộc là công tác đa ngành, đa lĩnh vực, liên quan đến người DTTS và người nghèo do đó cần có những định hướng phù hợp với điều kiện của địa phương. Xuất phát từ việc thực hiện chính sách dân tộc ở cơ sở, trong thời gian tới huyện cần xem xét, đề xuất với các cấp, các ngành nghiên cứu, đổi mới trong công tác ban hành các chính sách cho vùng dân tộc theo hướng:

- Tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách dân tộc theo hướng cơ bản, đồng bộ, lâu dài, gắn chính sách phát triển kinh tế - xã hội với giải quyết mối quan hệ dân tộc. Trong điều kiện các dân tộc sinh sống đan xen nhau như hiện nay, không nên ban hành các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội riêng đối với từng dân tộc, để tránh phân biệt, suy bì, thắc mắc giữa các dân tộc. Chính sách cụ thể đối với các dân tộc chỉ nên tập trung vào các lĩnh vực bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc, ngôn ngữ dân tộc, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc.

- Cần thay đổi quan điểm tiếp cận giảm nghèo đối với DTTS và vùng DTTS theo hướng đầu tư phát triển để xóa đói giảm nghèo. Từng bước giảm dần chính sách bao cấp, hỗ trợ trực tiếp chuyển sang chính sách đầu tư cho cộng đồng, nâng cao năng lực nội sinh và thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình. Để đồng bào có ý thức tự lực tự

cường, phấn đấu vươn lên hòa nhập với cộng đồng, xã hội, tạo bình đẳng giữa các dân tộc, giữa các đối tượng được thụ hưởng và không được thụ hưởng chính sách...

1.3 Các công trình nghiên cứu có liên quan

Trong những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, chính sách dân tộc của nhiều tác giả, cơ quan, đơn vị đã góp phần tổng kết lý luận và thực tiễn, tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc hoạch định, ban hành, triển khai các chủ trương, chính sách về vấn đề dân tộc, cụ thể như:

- Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta – Lê Ngọc Thắng, 2005, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước về dân tộc – Hội đồng dân tộc của Quốc hội khóa X, 2005, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay – Chủ biên: Hoàng Chí Bảo, 2009, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Chính sách dân tộc của Đảng trong thời kỳ đổi mới – Lâm Bá Nam, 2010, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các DTTS đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay: Thực trạng và giải pháp – Nguyễn Đình Tấn – Trần Thị Bích Hằng, 2010, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc - Ủy ban Dân tộc – Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, năm 2013.

Đối với địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Thúy – Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2012 nghiên cứu về vấn đề: Thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

Tuy nhiên những nghiên cứu mang tính chất tổng thể về công tác dân tộc ở cấp huyện đối với địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay chưa có công trình nào, do vậy với vấn đề

nguyên cứu của đề tài mà bản thân đã lựa chọn sẽ góp phần tổng kết lý luận cũng như thực tiễn về công tác dân tộc ở cấp huyện, đóng góp vào quá trình tham mưu triển khai, thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Võ Nhai nói riêng trong thời gian tới.

Kết luận chương 1

Công tác dân tộc là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các DTTS cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Công tác dân tộc có vị trí rất quan trọng trong công cuộc cách mạng của nước ta đó là vị trí “chiến lược lâu dài”. Thực tiễn đã chứng minh, cách mạng nước ta từ khi có Đảng lãnh đạo đã giải quyết tốt vấn đề dân tộc và độc lập dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để lãnh đạo cách mạng nước ta thắng lợi, mang lại độc lập tự do cho đất nước, cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Công tác dân tộc được quy định tại các văn bản của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng như Nghị định của Chính phủ như: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị Trung ương 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Trong Chương I đã đề cập đến các vấn đề gồm: đặc điểm của công tác dân tộc; những vấn đề cơ bản của công tác dân tộc; nội dung của công tác dân tộc; những yếu tố ảnh hưởng đến công tác dân tộc.

Đặc điểm của công tác dân tộc: công tác dân tộc vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài; đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của công cuộc đổi mới đất nước; Thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc là quan điểm nhất quán của Đảng ta trong giải quyết vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc; Đoàn kết dân tộc phải trên cơ sở lấy mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Thực hiện chính sách dân

tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

Những vấn đề cơ bản của công tác dân tộc tập trung vào các nội dung cơ bản: Chính sách về phát triển kinh tế vùng các DTTS; Chính sách xã hội tập trung vào các vấn đề giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và chính sách liên quan đến quốc phòng - an ninh vùng DTTS và miền núi.

Nội dung của công tác dân tộc ở cấp huyện được quy định rất cụ thể, trong đó các nội dung chủ yếu là: Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong vùng DTTS; Thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS; Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS; Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng DTTS; Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc; Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc.

Công tác dân tộc là công tác đa ngành, đa lĩnh vực, có sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành, đồng thời công tác này cũng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó có cả yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan. Vì vậy tùy thuộc vào tình hình, đặc điểm của địa phương để có những định hướng, quan điểm chỉ đạo triển khai công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn cho phù hợp, nhằm vừa thực hiện tốt các chính sách của trung ương tại cơ sở, đồng thời cũng khai thác tối đa nguồn lực, thế mạnh của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS, góp phần xây dựng địa phương ngày một phát triển, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa vùng miền núi và vùng đồng bằng, tạo sự công bằng giữa các vùng miền trong quá trình phát triển.

Tổng diện tích đất tự nhiên 83.942,57ha. Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp 77.552,71 ha, chiếm 92,4% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 11.284,85 ha chiếm 13,4%, diện tích đất lâm nghiệp 66.012,18 ha chiếm 78,6%, diện tích đất nuôi trồng thủy sản 255,68 ha chiếm 0,3% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất phi nông nghiệp 3.274,14 ha, chiếm 3,90% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất chưa sử dụng: 3.115,69 ha, chiếm 3,7% tổng diện tích đất tự nhiên.

Đặc điểm địa hình huyện Võ Nhai là núi cao, chịu ảnh hưởng của 2 vòng cung là vòng cung Ngân Sơn chạy từ Bắc Kạn theo hướng Đông Bắc -Tây Nam và vòng cung Bắc Sơn chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, vì vậy huyện có địa hình khá phức tạp, đồi núi là chủ yếu, đất bằng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp ít. Vùng núi dốc và núi đá vôi chiếm 92 %, những vùng đất bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ tập trung chủ yếu theo các khe suối, dọc các triền sông và thung lũng của vùng núi đá vôi. Toàn huyện độ cao trung bình so với mặt biển từ 100 - 800m, đất nông nghiệp phân bố ở độ cao 100m - 450m. Căn cứ vào địa hình, địa mạo và đất đai huyện chia làm 3 tiểu vùng như sau:

- *Tiểu vùng I:* Bao gồm các xã, thị trấn dọc quốc lộ 1B gồm:Thị trấn Đình Cả, các xã Phú Thượng; Lâu Thượng; La Hiên, với tổng diện tích vùng này là 14.008,33ha (chiếm 16,69% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện) đây là nơi tập trung dân số cao là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội của huyện. Đặc điểm vùng này có hệ thống giao thông, thủy lợi, điện lưới thuận lợi cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- *Tiểu vùng II:* Gồm 5 xã phía Nam: Tràng Xá; Liên Minh; Phương Giáo; Dân Tiến; Bình Long với tổng diện tích 26.153,57 ha (chiếm 31,16% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện). Địa hình đồi núi hình bát úp, bị chia cắt bởi nhiều khe, suối, sông và xen kẽ núi đá vôi có các bãi soi bằng phẳng phù hợp phát triển cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây lương thực và kết hợp các cây ăn quả, cây lâm nghiệp và phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại.

- *Tiểu vùng III:* Bao gồm 6 xã phía Bắc của huyện là xã Nghinh Tường; Sáng Mộc; Thượng Nung; Vũ Chấn; Thần Sa và Cúc Đường với tổng diện tích 43.780,7

(chiếm 52,15% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện). Đặc điểm của vùng này là đất rộng, nhiều đồi núi, khe suối rất thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp, du lịch sinh thái.

- *Khí hậu:*

Khí hậu Võ Nhai mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc Bộ chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa bình quân năm 1.941,5mm, thấp hơn so với các vùng khác trong tỉnh Thái Nguyên (2.050 - 2.500) và phân bố không đều, lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa với 1.765mm, chiếm 91% lượng mưa cả năm. Các tháng mùa khô có lượng mưa không đáng kể, lượng bốc hơi nước rất lớn, gây nên tình trạng khô hạn nghiêm trọng cho cây trồng, nhất là đối với cây trồng hàng năm. Độ ẩm bình quân hàng năm trên địa bàn huyện Võ Nhai dao động từ 80 - 87 %, các tháng mùa khô, nhất là các tháng cuối năm (tháng 11,12) độ ẩm thấp gây khó khăn cho việc phát triển cây vụ Đông.

- *Thủy văn:*

Võ Nhai là huyện có địa hình bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đá nên huyện có nhiều khe suối nhỏ, tuy nhiên nguồn nước ít thường bị cạn kiệt về mùa khô. Ngoài nguồn nước mặt từ những dòng sông, suối còn có các nguồn nước khác từ các hang động trong núi đá vôi chảy ra đang được sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt.

2.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội

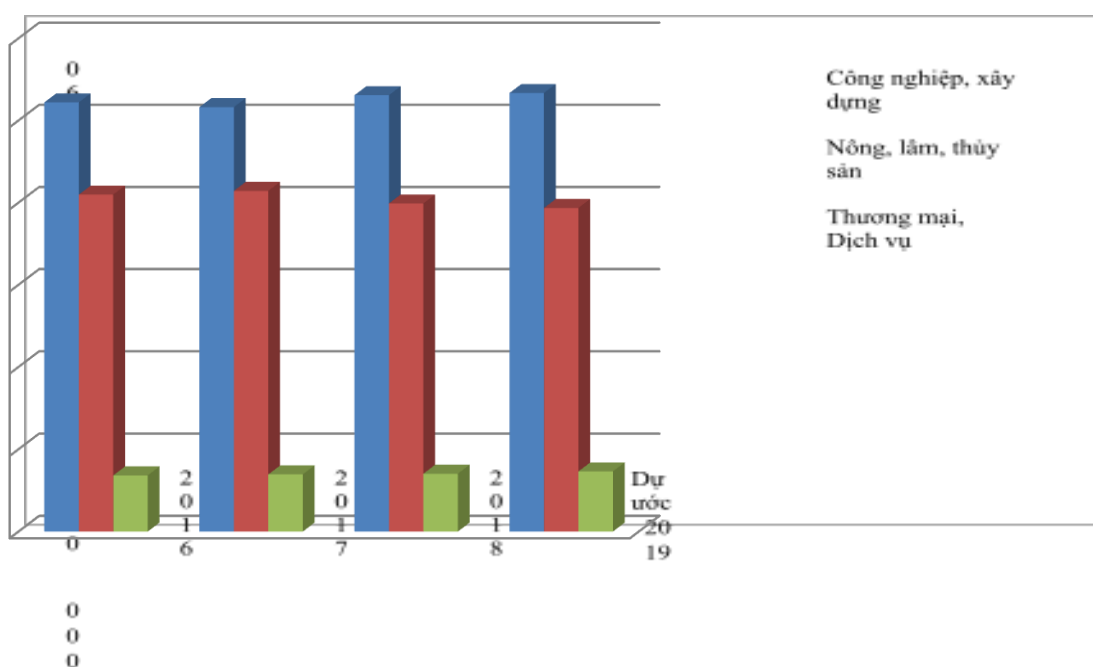
2.1.2.1 Phát triển kinh tế

Trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư từ các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế của Trung ương và của tỉnh Thái Nguyên, kinh tế của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành dịch vụ. Sản xuất nông lâm nghiệp có bước phát triển mạnh, tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa [7].

Bảng 2.1 Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của huyện giai đoạn 2016-2019

Nội dung	Đơn vị tính	2016	2017	2018	Dự ước 2019
Tổng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	1.789	1.873	2.035	2.146,08
Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	934	967	1.080	1.144,8
Nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	733	776	812	844,48
Thương mại, Dịch vụ	Tỷ đồng	122	130	140	156,8

(Nguồn số liệu: Chi cục Thống kê huyện Võ Nhai)



Hình 2.2 Cơ cấu tỷ trọng các ngành kinh tế huyện Võ Nhai giai đoạn 2016-2019

Hiện nay trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng chuyên canh cây nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao như cây bưởi Diễn ở Tràng Xá, cây ổi ở Phú Thượng, cây Na dai ở La Hiên, cây Cam Vinh ở Lâu Thượng... Giá trị sản xuất trên 1ha đất trồng trọt năm 2018 đạt 63,7 triệu đồng. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Thu cân đối ngân sách năm sau cao hơn năm trước, năm 2018 đạt 62,612 tỷ đồng, vượt 83%KH, tăng 76,4% so với năm 2017, tăng gấp 4,7 lần so với năm 2010 (năm 2010 thu 13,29 tỷ đồng). Hiện nay huyện có 03 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2018 đề nghị công

nhận thêm xã Trảng Xá đạt chuẩn nông thôn mới; 8 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí; 02 xã đạt 9 tiêu chí. So với giai đoạn 2013-2015, hiện nay huyện có 02 xã ra khỏi chương trình 135 và 16 xóm thoát khỏi xóm đặc biệt khó khăn [8].

2.1.2.2 Về văn hóa xã hội

Các chính sách xã hội được quan tâm triển khai kịp thời từ huyện xuống cơ sở; chương trình xóa đói, giảm nghèo đã đạt được hiệu quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm bình quân từ 4% trở lên, năm 2018 giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 6,38%, tỷ lệ hộ nghèo của huyện hiện nay là 19,48%. Chất lượng công tác giáo dục và đào tạo dần được nâng lên, công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm đầu tư; năm 2018 huyện có thêm 3 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 42/65 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 65,6%. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thực hiện tốt, mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở từng bước đáp ứng việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, hiện nay huyện có 15/15 xã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020. Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao được quan tâm chỉ đạo và phát triển khá, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên, hiện nay huyện có 84,7% gia đình văn hóa, 74,14% làng, bản văn hóa.

2.1.2.3 Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo và giữ vững, không xảy ra các điểm nóng, nổi cộm về an ninh trật tự trên địa bàn. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác nắm tình hình và triển khai các biện pháp để chủ động có phương án phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm và giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

2.2 Khái quát về cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai

2.2.1 Phòng Dân tộc huyện Võ Nhai

2.2.1.1 Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2008

Thực hiện Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Quyết định số 297/2006/QĐ-UBND ngày 20/2/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lại cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố, thị xã. Ngày

13/6/2006, UBND huyện Võ Nhai đã ban hành Quyết định số 815/QĐ-UBND về việc thành lập Phòng Dân tộc Tôn giáo trực thuộc UBND huyện gồm 04 biên chế trong đó 01 đồng chí giữ chức vụ Trưởng phòng và 03 chuyên viên. Phòng Dân tộc Tôn giáo có nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo trên địa bàn theo quy định của UBND tỉnh Thái Nguyên.

2.2.1.2 Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2010

Thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 4/2/2008 của Chính phủ quy định tổ chức lại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP. Huyện Võ Nhai đã tiến hành tổ chức lại các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện. Phòng Dân tộc và Tôn giáo giải thể, công tác dân tộc được bàn giao về Văn phòng HĐND và UBND huyện. Tiếp nhận công tác dân tộc, Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tiến hành phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo và cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân tộc, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc đã được bắt nhịp và tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

2.2.1.3 Giai đoạn từ năm 2011 đến nay

Thực hiện Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBND-BNV ngày 17/9/2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, ngày 25/10/2010 UBND huyện Võ Nhai ban hành Quyết định thành lập phòng dân tộc cấp huyện hoạt động từ ngày 01/11/2010 cho đến nay theo quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc. Khi mới thành lập phòng Dân tộc có 03 biên chế gồm 01 trưởng phòng và 02 chuyên viên, đến năm 2018 Phòng có 04 biên chế gồm 02 lãnh đạo và 02 chuyên viên. Từ khi được thành lập đến nay Phòng luôn chủ động tham kịp thời cho UBND huyện chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc; các chính sách dân tộc được chỉ đạo triển khai kịp thời, đúng đối tượng, phát huy được hiệu quả; nhận thức của đồng bào vùng DTTS dần được nâng lên, thấy được sự quan tâm, chăm lo của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS tại vùng khó khăn, các địa phương vùng sâu, vùng xa.

2.2.2 Các cơ quan có liên quan

2.2.2.1 Ban Dân vận Huyện ủy Võ Nhai

Ban Dân vận Huyện ủy Võ Nhai là cơ quan tham mưu của Huyện ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy về công tác dân vận (bao gồm cả công tác dân tộc và tôn giáo), cụ thể:

- Tham mưu những chủ trương, giải pháp về công tác dân tộc, tôn giáo của Huyện ủy. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, chương trình, kế hoạch, kết luận của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác dân tộc, tôn giáo. Sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết về công tác dân tộc, tôn giáo.
- Chủ trì, phối hợp tham mưu triển khai các văn bản của cấp trên, pháp luật và chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình dân tộc, tôn giáo, những vấn đề bức xúc, phát sinh liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo trên địa bàn huyện để báo cáo và tham mưu cho Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy.

Trong những năm qua Ban Dân vận Huyện ủy luôn phối hợp chặt chẽ với Phòng Dân tộc huyện trong việc triển khai các chỉ đạo của Đảng bộ huyện về công tác dân tộc, thực hiện ký quy chế phối hợp công tác giữa hai đơn vị, hàng năm đều tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế phối hợp trong năm, đề ra phương hướng hoạt động trong năm tới. Ngoài ra, trong công tác dân vận ở cơ sở, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận thường xuyên tiếp xúc với đồng bào DTTS, vì vậy muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ dân vận, mỗi người cán bộ đều phải nắm vững những chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, nắm vững các chính sách dân tộc để tuyên truyền vận động đồng bào cũng như giải đáp những vướng mắc của đồng bào, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng của đồng bào đến các cấp thẩm quyền kịp thời.

2.2.2.2 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Võ Nhai

Quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác dân tộc được quy định tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, cụ thể: Tại Điều 3,

Chương I quy định: “Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội....”; Điều 12, Chương II quy định: “Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam phát triển đa dạng các hình thức tổ chức, hoạt động để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài, không phân biệt thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, quá khứ nhằm động viên mọi nguồn lực góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 29/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 04/5/2018, Huyện ủy Võ Nhai đã ban hành Kế hoạch số 82-KH/HU chuyển chức năng tham mưu vận động về công tác dân tộc, tôn giáo thuộc Ban Dân vận Huyện ủy về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện từ tháng 5/2018. Như vậy hiện nay cơ quan tham mưu cho Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác dân tộc, tôn giáo là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Võ Nhai. Điều này thể hiện việc đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị của huyện theo hướng tinh gọn bên trong của tổ chức chính trị theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan thực hiện và chịu trách nhiệm, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc thực hiện chức năng tham mưu cho cấp ủy đảng những chủ trương, giải pháp về công tác dân tộc, tôn giáo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác tham mưu, vận động, tuyên truyền về công tác dân tộc, tôn giáo của Mặt trận Tổ quốc.

2.2.3 Tình hình các dân tộc tại huyện Võ Nhai

Dân số trung bình của huyện năm 2018 là 68.177 người với 08 dân tộc chủ yếu gồm: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Cao Lan, Sán Dìu, Mường; trong đó DTTS chiếm gần 70%.

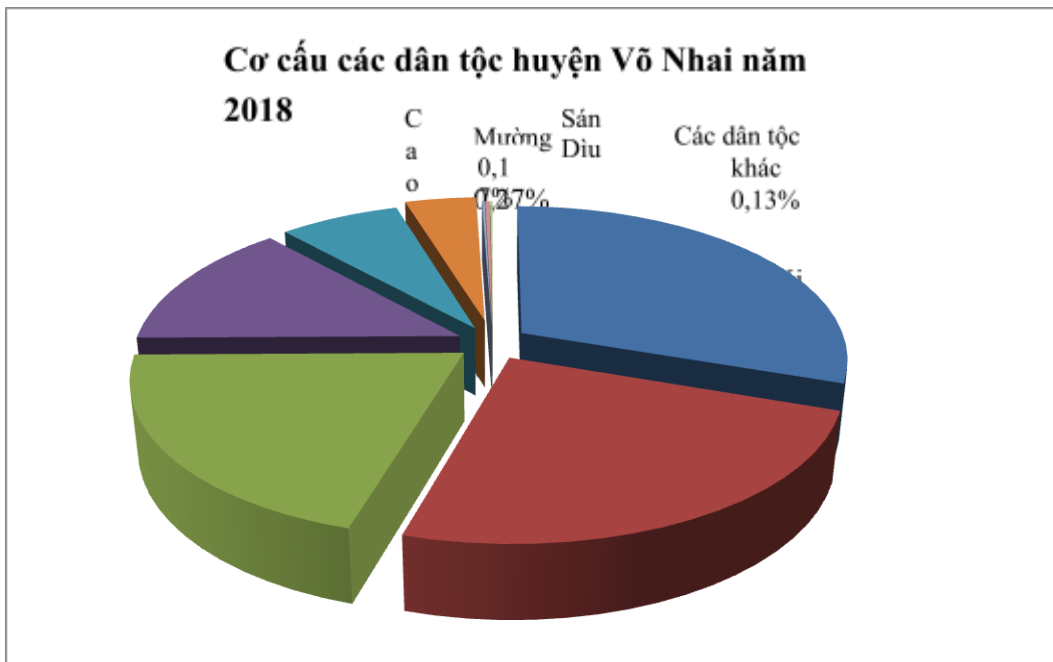
Nhân dân các dân tộc huyện Võ Nhai có truyền thống văn hoá lâu đời, giàu lòng yêu nước, chống ngoại xâm, đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do của dân tộc. Rừng Khuôn Mảnh, xã Tràng Xá là nơi ra đời Trung đội Cứu quốc quân II - một trong những lực lượng tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1998 huyện Võ Nhai vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi như: Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững, chính sách hỗ trợ vùng ATK, chính sách hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định số 615/QĐ-TTg..., cùng với sự quan tâm của tỉnh, các chương trình, dự án được đầu tư, thực hiện trên địa bàn huyện đã mang lại hiệu quả thiết thực, kết cấu hạ tầng từng bước được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện không ngừng được nâng lên; nền kinh tế của huyện phát triển ổn định, an ninh, quốc phòng được củng cố và giữ vững [9].

Bảng 2.2 Thống kê dân số huyện Võ Nhai theo dân tộc đến năm 2018

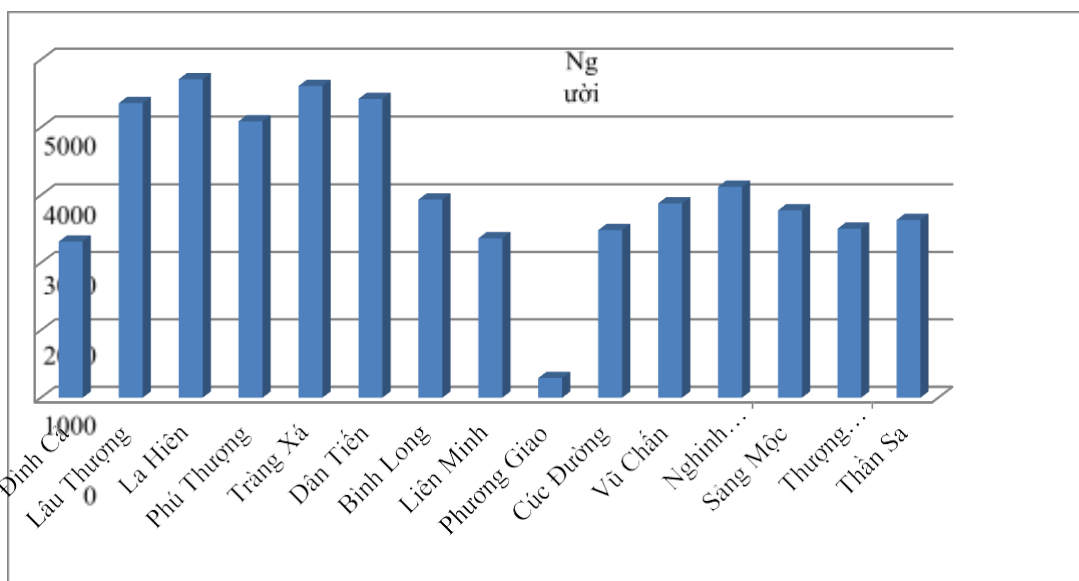
Stt	Dân tộc Xã	Kinh	Tày	Nùng	Dao	Mông	Cao Lan	Mường	Sán Điù	Sán Chí	Thái	Xê Đăng	Tổng cộng
1	Đình Cả	2.947	698	1.182	236		43	38	97		21		5.262
2	Lâu Thượng	2.792	555	3.420	47	220	61	15	29	7	4		7.151
3	La Hiên	3.065	1.452	2.150	183	230	641	7		48			7.776
4	Phú Thượng	589	1.209	1.920	941		8	5	6	1	1		4.680
5	Tràng Xá	3.508	992	2.361	239	889	54	42	34			1	8.120
6	Dân Tiến	649	685	787	590	623	1.729	1				6	5.070
7	Bình Long	3.094	801	1.248	631	5	241	2	8				6.029
8	Liên Minh	2.503	55	384	1.924								4.866
9	Phương Giao	741	19		177	95							1.032
10	Cúc Đường	224	1.715		15	755							2.709
11	Vũ Chấn	21	1.550		1.330								2.901
12	Nghinh Tường	4	2.143	3	976			2	2				3.130
13	Sáng Mộc		1.415	73	780	509							2.777
14	Thượng Nung	13	1.367		18	1.114	3		4				2.519
15	Thần Sa	17	1.534		869	233							2.653
	Tổng toàn huyện	20.167	16.190	13.528	8.956	4.673	2.780	112	179	56	26	7	68.177

(Nguồn số liệu: Phòng Dân tộc huyện)



Hình 2.3 Cơ cấu các dân tộc huyện Võ Nhai năm 2018

Qua biểu đồ trên ta thấy: Dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ cao nhất trong dân số của huyện với 30,25%; tiếp theo là dân tộc Tày chiếm 24,29%, dân tộc Nùng chiếm 20,29%, dân tộc Dao chiếm 13,44%, dân tộc Mông đứng thứ năm chiếm 7,01% tổng dân số của huyện.



Hình 2.4 Số người dân tộc thiểu số của các xã trong huyện năm 2018

Có thể thấy, người DTTS của huyện phân bố tương đối đồng đều tại các xã, thị trấn trên địa bàn, chỉ có xã Phương Giao là ít người DTTS hơn cả với dưới 1.000 người. Xã có nhiều đồng bào DTTS nhất là La Hiên, tiếp đến là xã Tràng Xá, Dân Tiến và Lâu Thượng.

Dân tộc Kinh chủ yếu tập trung ở các xã La Hiên, Lâu Thượng, thị trấn Đình Cả, Tràng Xá, Bình Long, Liên Minh đây là các xã thuộc tiểu vùng I và tiểu vùng II, thuận lợi về giao thông thuận lợi phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ hoặc có địa hình nhiều đồi núi thấp, đất đai phù hợp với phát triển cây ăn quả, chăn nuôi, do đó tốc độ phát triển kinh tế các xã này cũng cao hơn so với các xã khác còn lại của huyện, một phần cũng do trình độ sản xuất, tập quán canh tác của người Kinh (một phần có nguồn gốc từ tỉnh Hưng Yên, Thái Bình ... di cư lên) phát triển hơn, đặc biệt là các xã Tràng Xá, Phú Thượng, La Hiên hiện nay đã hình thành các vùng trồng cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao như Bưởi Diễn, Ổi, Nhãn, Na...

Dân tộc Tày là dân tộc sinh sống lâu đời ở địa phương, người Tày sống tập trung chủ yếu tại các xã phía Bắc của huyện (bao gồm Cúc Đường, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Thần Sa) thuộc tiểu vùng III với lợi thế là đất lâm nghiệp thích hợp cho trồng cây lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc, do đó đời sống người dân các xã này chủ yếu dựa vào kinh tế đồi rừng, khai thác lâm sản và một phần chăn nuôi trâu, bò; diện tích trồng lúa khu vực này ít, chủ yếu là ruộng bậc thang hoặc những cánh đồng nhỏ trong các thung lũng, thiếu nước sản xuất, do vậy phần lớn diện tích lúa chỉ cấy được một vụ. Tuy nhiên trình độ canh tác của người Tày vẫn còn ở mức chưa phát triển, sản xuất vẫn mang nặng tính tự cung tự cấp, chưa áp dụng được nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất chưa cao, thu nhập thấp. Bên cạnh đó sinh hoạt vẫn tồn tại những phong tục, tập quán cũ, chậm cải tiến dẫn đến thu nhập của người dân chưa cao như: việc gieo cấy các cây trồng thường chậm tiến độ theo chỉ đạo của tỉnh và huyện; không tận dụng đất sản xuất cây vụ đông; thường nghỉ đón Tết Nguyên đán dài, gần hết tháng giêng mới bắt tay vào sản xuất nông nghiệp; việc tổ chức việc hiếu, việc hỷ còn nhiều tập tục cũ tồn kém về kinh tế... Người Tày không theo tôn giáo nào, chỉ có phong tục thờ cúng tổ tiên, do vậy tình hình an ninh, trật tự trong vùng người Tày tương đối ổn định, không phát sinh vấn đề nổi cộm về tín ngưỡng, tôn giáo.



Hình 2.5 Dân tộc Tày

Dân tộc Nùng trên địa bàn huyện chủ yếu có nguồn gốc từ tỉnh Lạng Sơn di cư xuống sinh sống tại các xã dọc quốc lộ 1B (gồm Phú Thượng, Lâu Thượng, La Hiên, thị trấn Đình Cả) và xã Tràng Xá. Do sinh sống xen kẽ với người Kinh nên trình độ sản xuất, canh tác của người Nùng cũng đã phát triển, góp phần xây dựng nền sản xuất tiên bộ tại các xã này, đời sống thu nhập của người Nùng cũng cao hơn các dân tộc khác chỉ sau người Kinh. Cũng như người Tày, người Nùng không theo tôn giáo nào, chỉ có phong tục thờ cúng tổ tiên, tuy nhiên tục thờ cúng tổ tiên của người Nùng phức tạp và điểm khác biệt so với người Tày. Phong tục tổ chức việc hiếu, việc hỷ của người Nùng cũng vẫn còn những tập tục cũ gây tốn kém về kinh tế cần có sự cải tiến đổi mới cho phù hợp.



Hình 2.6 Dân tộc Nùng

Dân tộc Mông của huyện chủ yếu di cư từ tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang về từ năm 1992 đến 1994 sinh sống ở hầu hết các xã, trong đó nhiều hơn cả là xã Cúc Đường, Thượng Nung, Tràng Xá và Dân Tiến. Do phong tục của người Mông chủ yếu chọn những vùng núi cao để sinh sống nên điều kiện giao thông đi lại khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của mưa lũ, sạt lở; thiếu đất sản xuất, đất thường xuyên bị xói mòn, bạc màu; thiếu điện sinh hoạt và sản xuất; cùng với tập quán sản xuất chủ yếu là phát rẫy trồng ngô, săn bắt, khai thác lâm sản nên đời sống các hộ người Mông rất khó khăn, hầu hết các hộ Mông trên địa bàn huyện đều là hộ nghèo hoặc cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, chỉ một số ít hộ thoát nghèo. Mặt khác do địa bàn cư trú của người Mông phức tạp, địa hình chia cắt, thông tin liên lạc còn hạn chế, sự hoạt động tuyên truyền lén lút của tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh trong những năm qua đã làm tình hình an ninh, trật tự tại một số xóm bản người Mông rất phức tạp, khó khăn cho các cấp chính quyền theo dõi, nắm bắt để có biện pháp xử lý kịp thời. Người Mông có tinh thần, ý thức cộng đồng rất cao, đặc biệt là trong các công việc chung của xóm bản; vai trò của già làng, trưởng bản trong vùng đồng bào Mông được cộng đồng tôn trọng, tin và làm theo. Người Mông không có phong tục thờ cúng tổ tiên, đa phần theo đạo Tin lành. Trong những năm qua các điểm nhóm tin lành của đồng bào Mông trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động và tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số hộ người Mông tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh với các hoạt động lén lút tuyên truyền những luận điệu sai trái, kích động đồng bào chống đối các chủ trương, chính sách của nhà nước; lén lút xây dựng và tái xây dựng “nhà đôn”, tổ chức hội họp ... gây mất an ninh trật tự, khó khăn cho chính quyền các cấp trong việc quản lý cũng như triển khai các chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.



Hình 2.7 Dân tộc Mông

Dân tộc Dao, là dân tộc sinh sống lâu đời trên địa bàn huyện, tập trung chủ yếu ở các xã Dân Tiến, Liên Minh, Phú Thượng, Vũ Chấn, Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thần Sa. Người Dao chủ yếu sinh sống ở những địa bàn khó khăn, giao thông đi lại khó khăn, thiếu đất sản xuất, kinh tế chủ yếu là phát nương làm rẫy, trồng cây lâm nghiệp, khai thác lâm sản... do vậy đời sống thu nhập thấp và cũng rất khó khăn. Phong tục tập quán sinh hoạt của người Dao có nhiều điểm khác biệt so với các dân tộc khác trên địa bàn huyện. Nhìn chung vùng dân tộc Dao cần được quan tâm đầu tư, có những chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới để đồng bào có cuộc sống tốt hơn so với các vùng khác trong huyện.



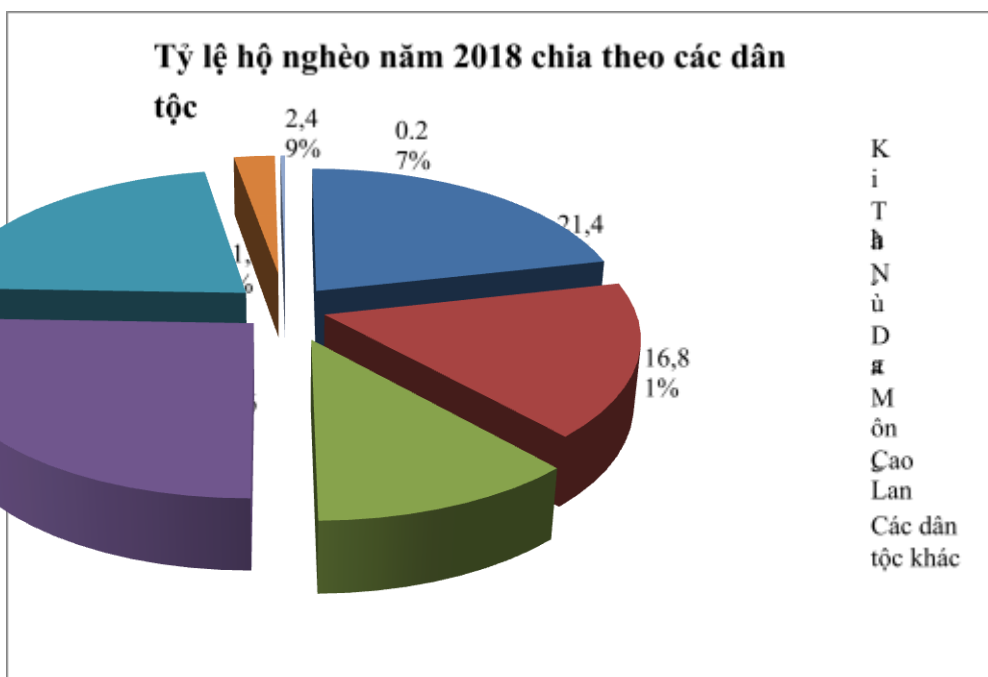
Hình 2.8 Dân tộc Dao

Trong những năm qua vùng dân tộc thiểu số của huyện đã được quan tâm đầu tư với nhiều nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác nhau, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, công tác giảm nghèo của huyện đã thu được những kết quả nhất định (cụ thể tại Phụ lục số 01). Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS vẫn còn cao [10].

Bảng 2.3 Tỷ lệ hộ nghèo huyện Võ Nhai năm 2018 chia theo các dân tộc

Stt	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Hộ nghèo theo các dân tộc							Tổng số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ hộ hộ nghèo người DTTS
				Kinh	Tày	Nùng	Dao	Mông	Cao Lan	Các dân tộc khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = 6 + \dots + 11$	$13 = 12/3$
1	Lâu Thượng	123	6,91	37	7	51	0	26	0	2	86	69,92
2	TT Đình Cả	36	3,86	14	3	10	9	0	0	0	22	61,11
3	Liên Minh	344	30,71	87	1	56	200	0	0	0	257	74,71
4	La Hiền	98	4,44	16	11	30	4	30	7	0	82	83,67
5	Tràng Xá	311	14,24	147	1	84	1	76	0	2	164	52,73
6	Thượng Nung	230	44,66	0	61	0	0	169	0	0	230	100,0
7	Nghinh Tường	283	42,43	5	216	0	62	0	0	0	278	98,23
8	Phương Giao	394	37,52	180	15	0	113	84	0	2	214	54,31
9	Vũ Chấn	192	27,47	0	29	0	163	0	0	0	192	100
10	Bình Long	370	25,19	156	53	96	48	0	15	2	214	57,84
11	Cúc Đường	192	30,19	4	49	0	0	139	0	0	188	98
12	Thần sa	185	30,78	0	37	0	105	43	0	0	185	100
13	Dân Tiến	276	16,63	69	19	29	25	71	62	1	207	75,00
14	Sáng Mộc	277	43,49	0	60	10	112	95	0	0	277	100
15	Phú Thượng	68	5,44	11	6	26	25	0	0	0	57	83,82
	Cộng	3.379	19,41	726	568	392	867	733	84	9	2.653	78,51
	Tỷ lệ %	100		21,49	16,81	11,60	25,66	21,69	2,49	0,27		

(Nguồn số liệu: Phòng Lao động – TB và Xã hội huyện Võ Nhai)



Hình 2.9 Tỷ lệ hộ nghèo huyện Võ Nhai năm 2018

Có thể thấy năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS của huyện chiếm 78,51% trong tổng số hộ của toàn huyện, hộ nghèo là dân tộc kinh chiếm 21,49%. Trong các dân tộc thiểu số thì tỷ lệ hộ nghèo của dân tộc Dao là cao nhất với 25,66%, dân tộc Mông 21,69%, dân tộc Tày 16,81%, dân tộc Nùng 11,6%. Dân tộc Cao Lan cũng có tỷ lệ hộ nghèo cao với 2,49% so với tổng số hộ của toàn huyện. Đây là một trong những khó khăn, thách thức của huyện trong việc triển khai công tác dân tộc, các chính sách dân tộc trong vùng đồng bào DTTS trong thời gian tới.

2.3 Thực trạng về công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

2.3.1 Công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS

Với đặc điểm địa bàn rộng, địa hình phức tạp, đồng thời là đơn vị giáp ranh với nhiều tỉnh khác, do đó công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS của huyện gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền huyện đã làm tốt công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS, từ đó có những chỉ đạo kịp thời tháo gỡ những khó khăn, giải quyết thỏa đáng những tâm tư, nguyện vọng của đồng bào góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, tạo niềm tin trong đồng bào, góp phần ổn định sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống ấm no.

Đối với Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đều phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành trực tiếp phụ trách các xã, thị trấn trên địa bàn, luôn sâu sát với cơ sở nắm bắt kịp thời tình hình của địa phương phụ trách, tham mưu kịp thời cho cấp ủy huyện có những chỉ đạo sát, đúng với đặc điểm tình hình thực tế của mỗi địa phương.

Đối với UBND huyện, bên cạnh việc chỉ đạo sát sao đối với cơ sở trong công tác, lãnh đạo UBND huyện cũng thường xuyên đi cơ sở, xuống trực tiếp tiếp xúc với người dân, tổ chức các buổi đối thoại với nhân dân để nắm bắt rõ hơn những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Bên cạnh đó UBND huyện luôn thực hiện nghiêm quy chế hoạt động, duy trì lịch họp hàng tháng, quý với sự tham gia của lãnh đạo UBND các xã, thị trấn để nắm bắt kịp thời tình hình của mỗi địa phương trong tháng, đề ra những chỉ đạo phù hợp.

UBND huyện chỉ đạo các lực lượng như Công an huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện nắm địa bàn thường xuyên, đặc biệt là các vùng giáp ranh với các huyện khác trong và ngoài tỉnh, nơi các đối tượng xấu thường xuyên tổ chức các hoạt động như đánh bạc, tổ chức khai thác, vận chuyển gỗ, lâm sản trái phép... Trong những năm vừa qua Công an huyện Võ Nhai đã phối hợp với các lực lượng chức năng các đơn vị bạn tổ chức triệt phá nhiều vụ đánh bạc có quy mô lớn tại các vùng giáp ranh. Lực lượng Kiểm lâm huyện đã ngăn chặn, bắt giữ nhiều vụ khai thác, vận chuyển gỗ, lâm sản trái phép, tịch thu nhiều loại gỗ quý, động vật và lâm sản ngoài gỗ.

Từ năm 2013 một số đối tượng đã lén lút, tuyên truyền, vận động một số hộ đồng bào dân tộc Mông tại bản Làng Ươm, xã Dân Tiến tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh, tổ chức các hoạt động như: múa hát tập thể ca ngợi tổ chức, tuyên truyền các luận điệu sai trái chống pháp Đảng và chính quyền, tiến hành dựng “nhà đôn”... gây mất an ninh, trật tự trong khu vực. Trước tình hình đó, cấp ủy, chính quyền huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện với sự tham gia của các ban, ngành, các tổ chức, đoàn thể ở huyện để tiến hành tuyên truyền, vận động các hộ người Mông không tin và theo tổ chức bất hợp pháp này. Đồng thời chỉ đạo lực lượng an ninh Công an huyện, lực lượng trinh sát của Ban Chỉ huy Quân sự huyện luôn bám sát địa bàn, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của các đối tượng cầm đầu, các hộ tin và theo tổ chức này, báo cáo

kip thời về Ban Chỉ đạo huyện để có giải pháp ngăn chặn kịp thời. Với sự vào cuộc kịp thời và quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và các ban ngành của huyện đã tiến hành vận động đồng bào tự tháo dỡ, cưỡng chế, tháo dỡ “nhà đòn”, xử phạt hành chính các đối tượng cầm đầu, không cho phép tái xây dựng “nhà đòn”... Hiện nay chỉ còn một số đối tượng tại xã Phương Giao, Thượng Nung vẫn lén lút tiến hành các hoạt động lôi kéo đồng bào, cơ bản các hộ đồng bào đã nhận thức được và không tin theo tổ chức này, tình hình an ninh, trật tự trong vùng đồng bào dân tộc Mông đã được đảm bảo.

Một trong những kênh để nắm thông tin trong vùng đồng bào DTTS của huyện là thông qua đội ngũ người có uy tín trong đồng bào DTTS. Người uy tín trong vùng đồng bào DTTS được rà soát, bầu chọn và được UBND cấp tỉnh ra quyết định công nhận theo quy định của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm ngoài việc thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định, cấp ủy, chính quyền huyện đều tổ chức các hội nghị cung cấp thông tin đối với đội ngũ người có uy tín, đây là dịp để cấp ủy, chính quyền huyện cung cấp các thông tin về chế độ, chính sách đối với đồng bào DTTS, các kết quả phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những chương trình, kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới..., đồng thời đây cũng là dịp để những người có uy tín trao đổi, phản ánh những tâm tư, nguyện vọng, những đề xuất, kiến nghị của đồng bào DTTS đến các cấp, các ngành xem xét, giải quyết. Thông qua các hội nghị này huyện sẽ có những chỉ đạo các cấp, các ngành có những giải pháp tích cực để giải quyết những vấn đề còn bất cập, vướng mắc ở địa phương, tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa cơ sở và huyện thường xuyên trong việc triển khai các chế độ, chính sách trong vùng đồng bào DTTS.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Phòng Dân tộc huyện luôn chủ động tham mưu cho UBND huyện trong công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS. Hàng năm Phòng Dân tộc đều xây dựng kế hoạch công tác năm, phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách đối với cán bộ và công chức trong đơn vị. Trên cơ sở địa bàn được phụ trách, các cán bộ, công chức chủ động phối hợp với cán bộ cơ sở trong công tác nắm tình hình, triển khai các chính sách dân tộc ở địa phương. Bên cạnh đó mỗi cán bộ,

công chức của phòng phải thường xuyên xuống cơ sở để nắm tình hình đảm bảo tối thiểu 02 lần một tháng.

2.3.2 Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS

Trong tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật nói chung và chính sách dân tộc, để phát huy tốt hiệu quả, đưa chính sách pháp luật đi vào cuộc sống của đồng bào thì công tác tuyên truyền vận động, phổ biến nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành chính sách, pháp luật cho người dân vùng khó khăn hiểu về quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích chính đáng của đồng bào là một nhiệm vụ quan trọng của công tác Dân tộc, đặc biệt là giai đoạn hiện nay trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bảng 2.4 Kết quả công tác triển khai, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2019

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	Số lớp tập huấn cho cộng đồng, cán bộ cơ sở người DTTS	Lớp	10	15	12	12
2	Số người tham gia	Người	550	915	852	900
3	Số buổi tuyên truyền và trợ giúp pháp lý	Buổi	45	95	105	110
4	Số lượt người tham gia	Người	3.800	4.200	9.000	9.100
4.1	Trong đó: Số lượt người nghèo được trợ giúp	Người	950	2.000	2.500	2.600
4.2	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	7,2	18,6	21,8	23,8
	Trong đó: - Ngân sách Trung ương	Triệu đồng	7,2	13,6	16,8	16,8
	- Ngân sách Địa phương	Triệu đồng	0	5	5	7
5	Số tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền pháp luật đã phát	Tờ	5.000	5.500	5.700	6.000
6	Số ấn phẩm, báo chí cấp phát cho vùng DTTS	Ấn phẩm	55.000	60.000	60.500	60.500
7	Số buổi xét xử lưu động của TAND huyện	Buổi	3	4	4	5

(Nguồn số liệu: Phòng Tư pháp huyện Võ Nhai)

Trong những năm qua công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung và các chính sách Dân tộc luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ban ngành trong hệ thống chính trị đã triển khai tích cực qua rất nhiều kênh

như: thông qua phương tiện thông tin đại chúng, đài truyền thanh huyện, các cụm loa phát thanh tại các xã, qua hoạt động tuyên truyền của tổ tuyên truyền, trợ giúp pháp lý, quan đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, qua các cuộc tập huấn thuộc chương trình 135, tập huấn do Ban Dân tộc tỉnh tổ chức.

Các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở quan tâm tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước. Ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác dân tộc của chính quyền địa phương và các đơn vị trong toàn huyện. Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh về công tác dân tộc một cách thiết thực và hiệu quả.

Vận động đồng bào các dân tộc khắc phục khó khăn, phát huy truyền thống đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tích cực tham gia thực hiện các chương trình dự án được triển khai tại địa phương đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nếp sống văn hoá ở khu dân cư.

Tuyên truyền vận động đồng bào các dân tộc trong huyện đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo; đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội trên toàn huyện. Triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng về công tác dân tộc: Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, đồng bào các DTTS trên toàn huyện.

Từ việc triển khai thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đời sống của đồng bào DTTS huyện Võ Nhai đã phần nào được cải thiện, tạo nên khí thế mới trong các vùng nông thôn, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào giúp đỡ, tương thân, tương ái trong cộng đồng, thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng bào các dân tộc phấn khởi và tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tự tin và tích cực tham gia trực tiếp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của chính mình. Tình đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng ngày càng được nâng lên, qua

đó góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ trật tự an toàn xã hội ở địa phương từng bước được củng cố [11].

2.3.3. Công tác triển khai các chính sách dân tộc

2.3.3.1 Tổng quan các chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2018[12]

a. Chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành đang thực hiện tại địa phương:

* *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*: bao gồm các chương trình, dự án: Chương trình 135; Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình.

* *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*:

b. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo lĩnh vực, theo ngành:bao gồm:

- Nhóm chính sách về dạy nghề, việc làm, giảm nghèo:
- Nhóm chính sách về bảo vệ rừng.
- Nhóm chính sách phát triển giáo dục.
- Nhóm chính sách về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe.
- Nhóm chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa, thông tin tuyên truyền, du lịch vùng DTTS.
- Nhóm chính sách cán bộ người DTTS, người uy tín.
- Nhóm chính sách phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý.
- Nhóm chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và khoa học công nghệ.

c. Chính sách do địa phương ban hành:

- *Chính sách theo Đề án 2037*: (theo Quyết định 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020”).
- *Chính sách hỗ trợ muối I ốt*: (theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Phương án Hỗ trợ muối iốt phòng, chống bệnh bướu cổ, thiếu năng trí tuệ cho người dân vùng dân tộc và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 – 2020).

2.3.3.2 Kết quả triển khai các chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2018

Bảng 2.5 Tổng hợp kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện
giai đoạn 2016-2018

(Nguồn số liệu: Phòng Dân tộc huyện Võ Nhai)

a. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

*** Chương trình 135:**

- Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

Tổng nguồn vốn thực hiện là 40.146 triệu đồng, đầu tư 20 công trình bao gồm: đường giao thông 12 công trình, thủy lợi 3 công trình và 05 công trình giáo dục. Trong đó cấp huyện làm chủ đầu tư 01 công trình, xã làm chủ đầu tư 19 công trình.

- Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng:

Tổng nguồn vốn thực hiện là 2.287,721 triệu đồng, thực hiện duy tu sửa chữa 45 công trình các loại. 100% các công trình duy tu bảo dưỡng đều do UBND xã làm chủ đầu tư.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo:

+ Về hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Tổng kinh phí hỗ trợ là 12.260,73 triệu đồng; trong đó vốn Trung ương là 9.956,4 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương đối ứng và nhân dân đóng góp là 2.304,33 triệu đồng. Nội dung hỗ trợ gồm: hỗ trợ mua máy móc, nông cụ phục vụ sản xuất, mua cây giống, con giống để sản xuất. Số hộ được hỗ trợ trong 03 năm là: 4.649 hộ.

+ Về nhân rộng mô hình giảm nghèo: Tổng nguồn vốn là 2.205,6 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 1.675 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương và nhân dân đối ứng 530,6 triệu đồng. Triển khai thực hiện 07 mô hình gồm: 01 mô hình nuôi dê sinh sản, 01 mô hình nuôi lợn nái sinh sản, 01 mô hình trồng rau quy mô 11 ha, 04 mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản. Số hộ được tham gia dự án là 197 hộ đều là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ sở sở và cộng đồng:

Kinh phí thực hiện là 317,05 triệu đồng, tổ chức 05 lớp tập huấn, 04 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm cho 485 cán bộ cơ sở và cộng đồng thuộc các xã, xóm được hưởng Chương trình 135.

**** Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin:***

Tổng nguồn vốn được giao là 14.341 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 407 triệu đồng, ngân sách địa phương 23 triệu đồng, nguồn huy động khác 13.911 triệu đồng. Kết quả thực hiện: đã in và cấp phát 10.300 tờ rơi tuyên truyền về giảm nghèo; sản xuất 72 chương trình truyền thông về giảm nghèo; thực hiện cấp phát 5.126 phương tiện nghe – xem sóng phát thanh, truyền hình cho các đối tượng thụ hưởng.

**** Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình:***

Tổng nguồn vốn được giao là 224,1 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 184,1 triệu đồng, ngân sách địa phương 40 triệu đồng. Kết quả thực hiện: đã tổ chức 9 lớp đào tạo, tập huấn cho 1.045 cán bộ làm công tác giảm nghèo từ cấp huyện đến cấp thôn bản. Tổ chức 8 đoàn kiểm tra cấp huyện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn huyện.

b. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM):

Tổng nguồn vốn huy động trong 3 năm từ 2016 - 2018 là 257.176,9 triệu đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp là 115.029,9 triệu đồng (bao gồm: Vốn ngân sách Trung ương là 49.247,9 triệu đồng, vốn đối ứng từ ngân sách địa phương 65.782 triệu đồng); vốn doanh nghiệp là 7.073 triệu đồng; vốn huy động từ người dân và cộng đồng là 135.074 triệu đồng. Ngoài ra đã vận động nhân dân hiến được 56,38ha, tổ chức cuộc vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn huyện hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới đóng góp bằng tiền và hiện vật ủng hộ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới là 3.048,98 triệu đồng [13].

**** Mức độ hoàn thành một số mục tiêu cơ bản của Chương trình (So với Kế hoạch giai đoạn 2016-2020).***

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 03 xã gồm: xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, xã Trảng Xá đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn.
- Năm 2016, bình quân mỗi xã đạt 11,07 tiêu chí, đến năm 2018 bình xét theo tiêu chí mới bình quân mỗi xã NTM đạt 12,42 tiêu chí.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản:

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn đạt trên 17 triệu đồng/người/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo: Năm 2016 là 32,94% đến năm 2018 giảm xuống còn 19,41%.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế qua 03 năm đều đạt trên 85%.

+ Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch: Năm 2016 đạt tỷ lệ 86,24%, năm 2018 đạt tỷ lệ 93,48%.

**** Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình***

- Công tác rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch NTM, lập đề án xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020: Đề án NTM 14 xã giai đoạn 2018 - 2020 được Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai tiến hành phê duyệt xong trong tháng 12/2017. Nhìn chung, đề án NTM cấp xã giai đoạn 2017 - 2020 được xây dựng có chất lượng, sát với tình hình thực tế tại địa phương.

- Về xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội:

+ Giao thông: Trong 3 năm đã xây dựng được 338 công trình đường giao thông trục xóm, liên xóm, ngõ xóm, nội đồng với tổng chiều dài là 164,5 km và 1 tràn liên hợp với tổng kinh phí 1.119.926,5 triệu đồng, trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ là 68.963 triệu đồng, nhân dân đóng góp 17.261,7 triệu đồng, doanh nghiệp hỗ trợ 1.529 triệu đồng.

+ Thủy lợi: Xây dựng được 10 công trình kênh mương với tổng chiều dài là 5,636 km và nâng cấp 03 đập, tổng kinh phí là 12.387,88 triệu đồng, trong đó kinh phí nhà nước hỗ trợ: 10.608,8 triệu đồng, nhân dân đóng góp là 1.779,28 triệu đồng. Trong 3 năm, bằng nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí và vốn bảo vệ và phát triển đất lúa, UBND huyện đã chỉ đạo thi công sửa chữa, nâng cấp 03 trạm bơm, 16 đập và 21,169 km kênh mương, tổng kinh phí là 848.023,788 triệu đồng.

+ Cơ sở vật chất văn hoá: Tổng kinh phí thực hiện là 41.086,8 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 28.682,8 triệu đồng, nhân dân đóng góp là 9.360 triệu đồng,

doanh nghiệp hỗ trợ là 3.044 triệu đồng, đến nay trên địa bàn huyện đã có 14/14 nhà văn hóa xã, 131 nhà văn hóa xóm.

+ Trường học: Thực hiện nâng cấp cải tạo 01 trường Mầm non, xóa 31 phòng học tạm.

Đến nay đã có 39/61 trường học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại 14 xã đạt chuẩn quốc gia, chiếm 63,94%.

+ Kinh tế và tổ chức sản xuất: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và biện pháp canh tác, đã hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả tập trung mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bước đầu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện được hình thành như sản xuất chè an toàn VietGAP kết hợp với công nghệ sấy sấy hiện đại và ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người làm chè tại các tổ hợp tác và làng nghề trên địa bàn. Chuyển đổi mạnh từ phương thức chăn nuôi nông hộ sang phương thức chăn nuôi gia trại, trang trại, công nghiệp và bán công nghiệp. Tái cơ cấu hình thức tổ chức liên kết theo chuỗi sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường đến nay trên địa bàn huyện đã có trên 15 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm chăn nuôi gia công theo chuỗi liên kết với các Công ty.

c. Chính sách phát triển kinh tế xã hội theo lĩnh vực, theo ngành:

*** Nhóm chính sách về dạy nghề, việc làm, giảm nghèo:**

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình việc làm giai đoạn 2016-2020. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho người lao động cụ thể:

- Trong 03 năm tổng số lao động được giải quyết việc làm là 4.550/3.000 người đạt 151,67% kế hoạch.

- Việc bố trí kinh phí hàng năm cho công tác giải quyết việc làm: Tổng dư nợ cho vay giải quyết việc làm 6.989 triệu trong đó: 5.597 triệu đồng vốn ngân sách Trung ương,

1.392 triệu vốn ngân sách địa phương; số hộ dư nợ 233 triệu, thu hút 110 lao động.

- Về đào tạo nghề: đã tổ chức các lớp đào tạo nghề cho 720 lao động nông thôn, tổng kinh phí thực hiện 1.247,2 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 1.197,2

triệu đồng, ngân sách địa phương 50 triệu đồng.

**** Nhóm chính sách về bảo vệ rừng:***

Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch như trồng rừng tập trung theo chương trình dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020 huyện Võ Nhai, chỉ tiêu trồng rừng tỉnh giao, HĐND huyện giao đều đảm bảo thực hiện hoàn thành đạt 100% kế hoạch giao. Trong 3 năm trên địa bàn huyện đã trồng mới được: 4.475,57 ha rừng. Tổng kinh phí hỗ trợ cho phát triển rừng giai đoạn 2016-2018 là: 15.932,8 triệu đồng nguồn ngân sách Trung ương.

**** Nhóm chính sách phát triển giáo dục:***

- Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: Thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ cho 5.059 học sinh với số lượng 554,611 tấn gạo; Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho 4.692 học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng với tổng số tiền 27.612 triệu đồng, nguồn ngân sách Trung ương.

- Kết quả thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP 02/10/2015 của Chính phủ về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021: Hỗ trợ cho 16.012 học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập với tổng số tiền 13.603 triệu đồng. Cấp bù học phí cho 14.798 học sinh với số tiền 2.107 triệu đồng, nguồn ngân sách Trung ương.

- Kết quả thực hiện Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 – 2015: Trong 3 năm đã hỗ trợ cho 8.655 học sinh với tổng số tiền 7.785 triệu đồng.

- Thực hiện phụ cấp trách nhiệm cán bộ giáo viên giảng dạy tại các trường chuyên biệt (trường phổ thông dân tộc bán trú): Mỗi cán bộ, giáo viên công tác tại trường phổ thông dân tộc bán trú được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm là 0,3/tháng. Kinh phí chi trả cùng thời điểm trả lương hàng tháng, tổng kinh phí thực hiện đối với 142 người là 1.726 triệu đồng.

**** Nhóm chính sách về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe:***

- Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS vùng đặc biệt khó khăn: Trong 3 năm đã thực hiện cấp 8.702 thẻ BHYT cho người thuộc hộ nghèo; 2.842 thẻ cho người thuộc hộ cận nghèo; 130.344 thẻ cho người DTTS ở vùng đặc biệt khó khăn. Tổng kinh phí là 102.729 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 102.073 triệu đồng, ngân sách địa phương 656 triệu đồng.
- Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ: Tổng kinh phí đã cấp là 1.274 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương.

**** Nhóm chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa, thông tin tuyên truyền vùng DTTS:***

- Về thông tin tuyên truyền: Hiện nay, trên địa bàn huyện Võ Nhai có 10 xã có đài truyền thanh xã hoạt động ổn định và 95 cụm loa phát thanh cơ sở lắp đặt tại 10 xã (La Hiên, Phú Thượng, Tràng Xá, Thượng Nung, Sảng Mộc, Nghinh Tường, Phương Giao, Dân Tiến, Bình Long, Liên Minh). Hiện nay trên địa bàn huyện 100% các xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình của đài phát thanh trung ương và đài truyền hình trung ương.
- Về bảo tồn và phát triển văn hóa: Trên địa bàn huyện Võ Nhai có 14 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (trong đó: Cấp quốc gia: 05 di tích; cấp tỉnh: 09 di tích). Trong 3 năm đã thực hiện tu bổ, tôn tạo 02 di tích với tổng kinh phí 1,865 tỷ đồng.

**** Nhóm chính sách cán bộ người DTTS, người uy tín:***

- Chính sách cử tuyển đối với học sinh người DTTS:

Số lượng sinh viên được cử đi học theo chế độ cử tuyển tốt nghiệp ra trường cụ thể như sau: Năm 2016 có 02 sinh viên, năm 2017 có 02 sinh viên. Các sinh viên được cử tuyển tốt nghiệp ra trường đều tự liên hệ tìm việc làm tại các công ty hoặc doanh nghiệp, đến nay chưa có trường hợp nào được tỉnh bố trí việc làm.

- Chính sách người có uy tín theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Hàng năm UBND huyện đều chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức rà soát, bình chọn người có uy tín trong đồng bào DTTS để trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt, cụ thể: Năm 2016 bình chọn được 137 người có uy tín. Năm 2017 bình chọn được 138 người có uy tín. Năm 2018: bình chọn được 138 người có uy tín. Đồng thời tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người có uy tín như: Cung cấp thông tin, tổ chức tham quan học tập; thăm hỏi ốm đau, nằm viện; thăm hỏi gia đình người có uy tín gặp khó khăn do thiên tai, bố, mẹ, vợ chồng, con, bản thân người có uy tín qua đời...; tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Tổng kinh phí thực hiện trong 3 năm là 122,4 triệu đồng, nguồn ngân sách Trung ương.

**** Nhóm chính sách phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý:***

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở cơ sở, tiến hành phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành cho nhân dân trên địa bàn huyện; thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến cơ sở xóm thuộc vùng sâu, vùng đồng bào DTTS trên địa bàn các xã, thị trấn: trong 3 năm 2016-2018 đã tổ chức 70 hội nghị tuyên truyền và trợ giúp pháp lý tại các xóm vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc tại các xã với 3.600 người tham dự. Đồng thời chỉ đạo cấp xã tổ chức được 285 hội nghị, có trên 14.000 người tham dự, tại các xóm bản có đồng DTTS sinh sống. Tổ chức phát tin tuyên truyền pháp luật trên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện trên 310 buổi.

Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên tổ chức các chuyến trợ giúp pháp lý lưu động miễn phí cho các đối tượng chính sách và đồng bào DTTS tại các xóm, bản vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện được 16 chuyến tại 12 đơn vị xã với trên 20 xóm, cấp phát trên 17.200 tờ gấp; trả lời, tư vấn pháp luật trên 380 câu hỏi về các lĩnh vực người dân quan tâm. Tổng kinh phí thực hiện 37,6 triệu đồng nguồn ngân sách Trung ương.

**** Chính sách hỗ trợ bố trí dân cư vùng thiên tai và nước sinh hoạt nông thôn:***

- Về bố trí dân cư vùng thiên tai: Năm 2016 trên địa bàn huyện thực hiện di chuyển 23 hộ với 107 khẩu nằm trong vùng có nguy cơ bị thiên tai đến nơi an toàn với kinh phí thực hiện: 440.000.000đ từ nguồn ngân sách tỉnh. Năm 2017 di chuyển 21 hộ, 102 khẩu với tổng kinh phí thực hiện: 380.000.000đ. Năm 2018: huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, thống kê, tuy nhiên không có hộ trong diện di chuyển.
- Về tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: Năm 2016 tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 86,93%, năm 2017 là 89,41%, năm 2018 đạt tỷ lệ 93,48% người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

**** Nhóm chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất:***

- Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn: Tổng kinh phí ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ là 5.355 triệu đồng, hỗ trợ mua máy móc, nông cụ cho 1.071 hộ DTTS thiếu đất sản xuất. Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho 572 hộ với tổng vốn vay là 8.076,5 triệu đồng.
- Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 về việc Phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 – 2020. Tổng số hộ nghèo có nhu cầu hưởng thụ chính sách: 6.035 hộ, trong đó: Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở: 1.550 hộ với tổng diện tích: 34,3845 ha. Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề: 2.198 hộ. Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 2.287 hộ.

Năm 2018, đã thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi theo từ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện đã thực hiện giải ngân cho vay được 50 hộ với tổng số vốn là 1,999 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 4/11/2012 về việc ban hành chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS đặc biệt

khó khăn giai đoạn 2012-2015: Năm 2016 UBND huyện giao Phòng Dân tộc phối hợp với Ngân hàng Chính sách Xã hội Võ Nhai và UBND các xã triển khai thực hiện giải ngân cho vay 954 triệu đồng; trong đó phê duyệt, giải ngân cho vay vốn bổ sung 722 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Thực hiện thu hồi và cho vay quay vòng 232 triệu đồng. Năm 2017 chính sách hết hiệu lực.

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn: Năm 2016: đã thực hiện hỗ trợ cho 24.213 khẩu thuộc hộ nghèo với tổng kinh phí là 2.250,48 triệu đồng. Năm 2018, UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện giải ngân kinh phí cho cả 02 năm 2017 và 2018 hỗ trợ 42.000 lượt người, tổng số tiền là: 4.012,1 triệu đồng; đến nay đã thực hiện giải ngân được: 3.276,9 triệu đồng cho 34.687 người, đạt 81,68%.

d. Chính sách do địa phương ban hành:

* *Chính sách theo Đề án 2037:* (Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020”):

- *Hỗ trợ trồng ngô lai phát triển sản xuất:* Thực hiện hỗ trợ trồng 800,85 ha ngô lai, tổng kinh phí thực hiện là 6.005,98 triệu đồng; trong đó nguồn vốn Trung ương lồng ghép 990,1 triệu đồng, kinh phí tỉnh hỗ trợ 4.012,72 triệu đồng, ngân sách huyện hỗ trợ và nhân dân đối ứng 1.003,16 triệu đồng. Tổ chức 18 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các xóm thực hiện trồng ngô lai.

- *Hỗ trợ mô hình trồng cây ăn quả:* Đã thực hiện phân bổ kinh phí hỗ trợ giống, phân bón trồng 16 ha cây ăn quả các loại, đồng thời tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật được 5 lớp với 150 lượt người tham dự. Tổng kinh phí thực hiện 400,497 triệu đồng nguồn ngân sách tỉnh.

- *Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò:* Thực hiện giải ngân cho vay chăn nuôi trâu bò: Lũy kế tính đến hết năm 2018 đã giải ngân đến 228 hộ với tổng dư nợ vốn vay từ Ngân hàng

Chính sách Xã hội 6.163 triệu đồng. Hỗ trợ 270,72 triệu đồng trồng 418 sào cỏ phục vụ chăn nuôi trâu bò; hỗ trợ 346,862 triệu đồng lãi vay, trong đó 50% trả lãi vay Ngân hàng, 50% hỗ trợ cho các nhóm hộ theo quy định.

- *Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xóm bản thuộc Đề án:* Tổng nguồn vốn thực hiện là 8.894,1 triệu đồng đầu tư hoàn thiện các tuyến đường bê tông vào các xóm bản đồng bào Mông và hỗ trợ xây dựng 02 nhà văn hóa xóm.

* *Chính sách hỗ trợ muối i ốt:* (theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Phương án Hỗ trợ muối i ốt phòng, chống bệnh bướu cổ, thiếu năng trí tuệ cho người dân vùng dân tộc và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 – 2020): Nội dung chính sách là UBND tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị cung ứng muối trên địa bàn tỉnh cung cấp muối i ốt trợ giá đến người dân vùng đồng bào DTTS của tỉnh. Đối với huyện Võ Nhai, trong 03 năm đơn vị cung ứng là Chi nhánh Thương mại Võ Nhai đã thực hiện cung ứng 1.010 tấn muối đến người dân trên địa bàn huyện, đạt 100% kế hoạch tỉnh giao.

2.3.4 Công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện luôn được cấp ủy, HĐND và UBND huyện quan tâm chỉ đạo, thực hiện thường xuyên. Hàng năm UBND huyện đều thành lập Đoàn công tác liên ngành của huyện trong đó giao Phòng Dân tộc là cơ quan thường trực phối hợp cùng các cơ quan có liên quan như: Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trạm Khuyến nông, Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng huyện... tiến hành kiểm tra việc triển khai các chính sách dân tộc tại các xã, đặc biệt là các tiểu dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 và các chính sách khác. Qua kiểm tra tại cơ sở đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót, những vướng mắc về hồ sơ, thủ tục triển khai các dự án, đồng thời hướng dẫn cơ sở khắc phục kịp thời. Bên cạnh đó HĐND huyện cũng tiến hành các cuộc giám sát đối với các cơ quan chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn về việc thực hiện các chính sách dân tộc như: năm 2017 giám sát việc triển khai thực hiện hỗ trợ mua máy móc, nông cụ

cho hộ nghèo trên địa bàn huyện theo chính sách của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ; năm 2018 giám sát việc triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 tại các xã trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, năm 2018 huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan và UBND các xã chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ cuộc thanh tra chuyên đề của Đoàn thanh tra Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên thanh tra tại huyện Võ Nhai về việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 và Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sau thanh tra, Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành kết luận thanh tra, yêu cầu các cơ quan, UBND các xã được thanh tra khắc phục những sai sót về hồ sơ, chấn chỉnh về quy trình, thủ tục triển khai dự án trong thời gian tới. UBND huyện Võ Nhai đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ quan có liên quan, UBND các xã tiếp thu nghiêm túc kết luận thanh tra của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm nhằm hạn chế tối thiểu những sai sót trong việc triển khai các chính sách dân tộc trong thời gian tới.

2.3.5 Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị trên địa bàn huyện

Cấp ủy huyện đã quan tâm chỉ đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng một cách hợp lý đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đảm bảo tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cấp ủy, tổ chức Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể theo đúng quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy. Từ năm 2016 đến năm 2018, UBND huyện đã cử 602 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn. Ở cơ sở công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ được tổ chức triển khai thực hiện theo quy định cũng như các văn bản chỉ đạo của cấp ủy cấp trên như giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025. Hàng năm, các đảng ủy đều tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo chủ chốt của xã theo quy định, được thực hiện dân chủ, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch và đúng quy trình.

Bảng 2.6 Số lượng, cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị huyện Võ Nhai năm 2018

TT	Tiêu chí	Cấp huyện			Cấp xã		
		Tổng số	Người DTTS	Tỷ lệ	Tổng số	Người DTTS	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị	247	153	62%	292	194	66%
1.1	Khối Đảng, Đoàn thể	54	33	61%			
	Tham gia BCH Đảng bộ	12	8	67%	66	41	62%
	Tham gia Ban Thường vụ	6	3	50%	34	21	62%
	Trưởng, Phó ban và tương đương	25	16	64%	0	0	
1.2	Khối chính quyền	96	59	61%			
	Tham gia HĐND	11	5	45%	128	90	70%
	Lãnh đạo HĐND	2	1	50%	29	19	66%
	Lãnh đạo UBND	3	0	0%	35	23	66%
	Trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương	38	28	74%	0	0	
2	Trình độ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ	150	92	61%	321	220	69%
	Tiến sĩ	0	0	0%	0	0	0%
	Thạc sĩ	16	9	56%	1	1	100%
	Đại học	131	82	63%	164	109	66%
	Cao đẳng	0	0	0%	20	15	75%
	Trung cấp	1	1	100%	110	73	66%
	Khác	2	0	0%	26	22	85%

(Nguồn số liệu: Phòng Nội vụ huyện Võ Nhai)

2.4 Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai

2.4.1 Những kết quả đạt được

- Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc, các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về tư tưởng và hành động. Công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách đối với các DTTS được tăng cường, từ đó làm cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của các chính sách dân tộc, khắc phục tư tưởng hiểu chưa đồng bộ về chính sách ưu tiên đối với các DTTS.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được đổi mới bằng nhiều việc làm thiết thực, xây dựng đồng bộ các chương trình, kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào. Các chương trình mục tiêu đầu tư cho đồng bào DTTS trên địa bàn huyện được triển khai đầy đủ, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước.
- Nhận thức, tư tưởng của nhân dân nói chung, của đồng bào các DTTS nói riêng đã có những chuyển biến rõ rệt, thấy được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương để từ đó tự mình vươn lên xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng; giảm bớt những tư tưởng lạc hậu, mặc cảm, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; hòa nhập, đoàn kết cùng sinh sống ở cộng đồng dân cư; tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ, và chấp hành thực hiện nghiêm Hiến pháp và pháp luật.
- Nền kinh tế - xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, cơ cấu lao động ngày càng phát triển và phù hợp với lao động nông thôn miền núi, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS được nâng lên; nông lâm nghiệp phát triển ổn định và từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa; tiềm năng về đất đai, nhân lực, tài nguyên khoáng sản tiếp tục được khai thác có hiệu quả; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn có bước phát triển mới; Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện tích cực, làm cho bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều thay đổi; chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên; chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an sinh xã hội được duy trì; từng bước ứng dụng có hiệu quả công nghệ, khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng được củng cố và giữ vững. Các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đầu tư trên địa bàn huyện đã đem lại hiệu quả thiết thực đối với vùng dân tộc và miền núi của huyện; góp phần giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao đời sống của người dân đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng đặc biệt là tại địa bàn các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện.

2.4.2 Những hạn chế

- Võ Nhai là huyện nghèo, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, địa bàn rộng, địa hình chia cắt, phức tạp; trong những năm qua đã được đầu tư nhiều nhưng vẫn chưa đáp

ứng được nhu cầu về cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế như: Đường giao thông liên xã, giữa các xã giáp ranh với các huyện khác trong và ngoài tỉnh; các cầu, ngầm tràn quy mô lớn...; đường giao thông liên thôn; chợ, các cơ sở hạ tầng khác, đặc biệt là các xã phía Bắc của huyện.

- Nền kinh tế có tăng trưởng qua các năm nhưng không đồng đều giữa các vùng. Trong nông nghiệp, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chưa đồng bộ, người dân chưa chủ động, sáng tạo trong cách làm để phát triển kinh tế, chưa mạnh dạn đầu tư vốn mở rộng sản xuất (đặc biệt là các xã phía Bắc); tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ở một số xã còn khó khăn, cần nguồn lực lớn; một số tiêu chí đã đạt nhưng chưa có tính bền vững. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Dịch vụ, du lịch của huyện đã có bước phát triển tuy nhiên chưa khai thác được lợi thế của huyện; chưa mạnh dạn phát triển du lịch cộng đồng kết hợp khai thác các nét đẹp, bản sắc văn hóa của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bản sắc văn hóa tốt đẹp của một số DTTS đang dần bị mai một; phần lớn các cháu người DTTS dưới 16 tuổi ở các xã dọc trục đường Quốc lộ 1B và các xã phía Nam của huyện không còn nói được tiếng của dân tộc mình.

- Tỷ lệ hộ nghèo là người DTTS còn cao (chiếm 78,51% năm 2018); việc giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; một số bộ phận hộ đồng bào DTTS không muốn thoát nghèo.

- Tình hình an ninh, trật tự trong vùng đồng bào DTTS còn có những diễn biến phức tạp; một số đạo lạ, tà đạo còn nhen nhóm trong đồng bào. Một số hộ đồng bào dân tộc Mông ở các xã: Thần Sa; Thượng Nung; Dân Tiến; Phương Giáo vẫn còn tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh.

2.4.3 Nguyên nhân của những hạn chế

- Võ Nhai là một huyện nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, địa bàn rộng, địa hình nhiều núi đá, chia cắt các khu vực trong huyện do vậy khó khăn trong triển khai các dự án, đặc biệt là về phát triển cơ sở hạ tầng, định mức đầu tư thấp, khả năng đối ứng còn hạn chế do đó chưa phát huy được tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Trình độ dân trí không đồng đều, việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế, một bộ phận hộ đồng bào DTTS còn có tâm lý trông chờ vào chính sách, không muốn vươn lên thoát nghèo nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai các chính sách dân tộc.
- Một số hộ đồng bào dân tộc Mông vẫn tin và theo tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh mặc dù đã được tuyên truyền, vận động thuyết phục nhiều, tuy nhiên vẫn có những hoạt động lén lút, xây dựng “Nhà đôn” trái phép.
- Công tác tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền một số địa phương đối với công tác dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc đôi khi còn thiếu tập trung; việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đến cán bộ và nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa còn một số mặt hạn chế.
- Cán bộ làm công tác dân tộc chưa ổn định, một số xã phân công cán bộ phụ trách công tác dân tộc chưa cụ thể, làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tham mưu tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn.

Kết luận chương 2

Võ Nhai là một huyện vùng cao của tỉnh Thái Nguyên, có địa bàn rộng, địa hình phức tạp, chia cắt thành các tiểu vùng khác nhau. Huyện có 14 xã và 01 thị trấn với 174 xóm, trong đó có 86 xóm đặc biệt khó khăn, 10 xã thuộc khu vực III, 04 xã và 01 thị trấn thuộc khu vực 2. Dân số trung bình của huyện năm 2018 là 68.177 người. Huyện có thành phần dân tộc khá đa dạng, trong đó có 08 dân tộc chiếm tỷ lệ cao là Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Cao Lan, Mường, Sán Chí. Trong những năm qua công tác quản lý nhà nước về dân tộc đã được cấp ủy, chính quyền huyện chỉ đạo triển khai kịp thời. Công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào DTTS được thực hiện thường xuyên, thông qua nhiều kênh khác nhau nhằm nắm bắt được các diễn biến trong vùng đồng bào một cách kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ huyện đến xã. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS được thực hiện thường xuyên, bằng nhiều hình thức góp phần nâng cao nhận thức của đồng bào vùng DTTS trong việc chấp hành các

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; vận động người dân phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, phấn đấu vươn lên trong lao động, sản xuất để xóa đói, giảm nghèo và tiến tới làm giàu chính đáng; tích cực đấu tranh tiến tới loại bỏ các tà đạo, đạo lạ, tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh... ra khỏi đời sống của đồng bào DTTS. Các chính sách dân tộc được chỉ đạo triển khai kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng, đem lại hiệu quả thiết thực, cơ sở hạ tầng vùng DTTS được cải thiện, hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho đồng bào, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện đã được cấp ủy, HĐND và UBND huyện quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc góp phần phát hiện, chính chỉnh kịp thời những sai sót về hồ sơ cũng như quy trình, thủ tục triển khai các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, từ đó góp phần tạo niềm tin trong người dân, thúc đẩy đồng bào tích cực hưởng ứng, tham gia các chương trình, dự án, chính sách dân tộc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ là người dân tộc thiểu số được cấp ủy và chính quyền huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện trong những năm qua vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của vùng DTTS, nền kinh tế phát triển không đồng đều giữa các tiểu vùng, một số bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dần mai một, tình hình an ninh, trật tự trong vùng đồng bào DTTS còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, các tà đạo, đạo lạ, tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh vẫn lén lút hoạt động... Nguyên nhân chủ yếu là do xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của huyện còn khó khăn; tỷ lệ người dân tộc thiểu số của huyện cao; trình độ dân trí không đồng đều; công tác tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền một số địa phương đối với công tác dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc đôi khi còn thiếu tập trung; cán bộ làm công tác dân tộc chưa ổn định... Những nguyên nhân trên có cả yếu tố khách quan và chủ quan, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc trong thời gian tới huyện cần có những giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương để triển khai có hiệu quả.

CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC HUYỆN VÕ NHAİ

3.1 Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai trong thời gian tới

3.1.1 Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội

Ngày 27/7/2015, UBND tỉnh tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 1818/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; trong đó xác định mục tiêu tổng quát là: *“Phát triển một cách toàn diện, nhanh và bền vững về kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh giảm nghèo vùng DTTS, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng, các dân tộc; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng DTTS; phát triển nguồn nhân lực, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội”*. UBND tỉnh đã xác định một số mục tiêu cụ thể:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo hàng năm các xã vùng DTTS bình quân từ 2,5%/năm trở lên; đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã An toàn khu phấn đấu giảm bình quân từ 5%/ năm trở lên theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.
- Đảm bảo 100% hộ nghèo người DTTS đủ điều kiện và có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội và được hỗ trợ để phát triển sản xuất.
- Hỗ trợ nhà ở cho 100% hộ đồng bào DTTS nghèo có nhu cầu cần hỗ trợ nhà ở theo quy định của nhà nước giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất, nước phục vụ sản xuất.
- Đảm bảo 100% đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa theo tiêu chuẩn của ngành giao thông vận tải, có phân kỳ đầu tư và trên 50% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.
- Phấn đấu 100% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số hộ được sử dụng điện từ các nguồn.

- Các xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông, internet đến hầu hết các thôn, bản; 100% hộ gia đình được xem truyền hình; phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia và có bác sĩ làm việc; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho đồng bào DTTS.
- Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở vùng DTTS.

Đối với huyện Võ Nhai, trên cơ sở thực hiện Quyết định của UBND tỉnh, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Võ Nhai lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã ban hành nghị quyết xác định *“Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng huyện Võ Nhai phát triển bền vững”*[14].

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng miền; xây dựng thương hiệu các sản phẩm thế mạnh của địa phương. Từng bước phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phấn đấu đến năm 2020 đưa công nghiệp địa phương trở thành một thành phần kinh tế chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện. Ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ, phát huy những thế mạnh của địa phương. Đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị vững mạnh.

Triển khai có hiệu quả việc xã hội hóa công tác giảm nghèo và xóa nhà dột nát cho người nghèo; các chương trình, đề án giải quyết việc làm. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn và nông dân; xuất khẩu lao động. Thực hiện các chính sách người có công, bảo trợ xã hội. Chăm lo công tác đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Đảm bảo chính sách an sinh xã hội.

Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, chú trọng phát triển thêm ngành nghề dịch vụ giải quyết việc làm cho số lao động của vùng đồng bào DTTS, đồng bào có đạo bằng các chương trình, dự án cụ thể.

3.1.2 Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của UBND huyện đều xác định các mục tiêu cụ thể đạt được đến năm 2020 đó là:

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: nông, lâm nghiệp, thủy sản (42,52%) – công nghiệp, xây dựng (37,22%) – dịch vụ (20,26%).
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân hàng năm 5%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 6% trở lên. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 12%.
- Sản lượng lương thực có hạt hàng năm trên 50.000 tấn.
- Thu cân đối ngân sách bình quân hàng năm tăng từ 10% trở lên.
- Đến năm 2020 có trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các bậc học, phần đầu có 70% số trường học đạt chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2020 có trên 80% gia đình văn hoá; 61% làng bản văn hoá; 92% cơ quan văn hoá.
- Đến năm 2020 có 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 15%; giảm tỷ suất sinh thô hàng năm 0,2‰.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm trên 4%.
- Duy trì độ che phủ rừng từ 66% trở lên, có trên 80% người dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 100% hộ dân được dùng điện lưới quốc gia.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, UBND huyện đã đề ra nhiều giải pháp chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện, trong đó nhấn mạnh ưu tiên phát triển vùng đồng bào DTTS; khẳng định vai trò của công tác dân tộc có đóng góp không nhỏ trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.2 Những cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại huyện Võ Nhai

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm còn lại của giai đoạn 2016-2020 là rất nặng nề, cần có những bước đột phá trong chỉ đạo và điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Đối với công tác dân tộc trong giai đoạn này cũng có những cơ hội để phát triển nhưng cũng không ít những thách thức đặt ra:

3.2.1 Cơ hội

- Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020 thì 100% các xã, thị trấn của huyện Võ Nhai thuộc vùng DTTS và miền núi, do vậy huyện đều được thụ hưởng các chính sách dân tộc của Trung ương đầu tư cho vùng DTTS và miền núi trong giai đoạn 2016- 2020, đây là điều kiện thuận lợi cho huyện có thêm những nguồn lực đầu tư vào những địa bàn còn khó khăn về cơ sở hạ tầng, đời sống kinh tế người dân còn kém phát triển.
- Nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cũng giúp cho huyện có nguồn lực đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS, đặc biệt là đường giao thông nông thôn. Khi cơ sở hạ tầng được đầu tư, người dân sẽ giảm bớt khó khăn, có cơ hội tiếp cận thị trường, phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập.
- Huyện Võ Nhai tiếp tục được tỉnh Thái Nguyên quan tâm đầu tư với các chính sách đặc thù hỗ trợ vùng đồng bào DTTS của huyện như: Chính sách theo Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020” gọi tắt là Đề án 2037; chính sách hỗ trợ muối iốt phòng, chống bệnh bướu cổ, thiếu năng trí tuệ cho người dân vùng dân tộc và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 – 2020. Các chính sách này đã giúp đồng bào DTTS của huyện có nguồn lực phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là đồng bào Mông trên địa bàn huyện.
- Sự phát triển của công nghệ thông tin, đặc biệt là việc áp dụng hệ thống quản lý văn bản hỗ trợ điều hành của UBND tỉnh, UBND huyện giúp cho việc triển khai các

văn

bản được thuận lợi, nhanh gọn, rút ngắn thời gian văn bản giấy lưu thông giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Thông qua hệ thống, văn bản có thể gửi liên thông từ tỉnh đến xã, giúp triển khai các chế độ, chính sách được nhanh hơn, đến với người dân kịp thời hơn.

- Huyện Võ Nhai luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát xao của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh đặc biệt là Ban Dân tộc tỉnh trong việc triển khai công tác quản lý nhà nước về dân tộc nói chung, triển khai các chính sách dân tộc nói riêng.

- Năm 2019 là năm diễn ra Đại hội đại biểu các DTTS lần thứ III ở cấp huyện và cấp tỉnh, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam lần thứ II năm 2020. Đây là dịp để đánh giá thành tựu, kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc giai đoạn 2014-2019; tôn vinh và biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong đồng bào DTTS Việt Nam trong thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển; từ đó tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy nội lực để xây dựng đất nước hội nhập và phát triển.

3.2.2 Thách thức, khó khăn

- Lĩnh vực dân tộc là một lĩnh vực rộng, nhạy cảm, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; chính sách dân tộc tác động đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa có vai trò quan trọng trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước. Trên góc độ hoạt động quản lý nhà nước, công tác này rất cần đến sự điều tiết, điều chỉnh của Nhà nước bằng một văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn Nghị định đó là Luật Dân tộc. Tuy nhiên đến nay Nhà nước ta vẫn chưa xây dựng được văn bản luật để điều chỉnh lĩnh vực này, những cơ sở pháp lý vẫn chỉ là nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ ... chưa đáp ứng được công tác quản lý nhà nước về dân tộc cho các địa phương.

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, Ban Thường vụ

Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018 để thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương Đảng, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 30/3/2018 để thực hiện Đề án số 09-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó chủ trương sắp xếp lại cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc cấp tỉnh và cấp huyện theo hướng sáp nhập bộ phận tuyên truyền vận động đồng bào DTTS của Ban Dân tộc tỉnh, Phòng Dân tộc cấp huyện về cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; sáp nhập bộ phận làm chính sách dân tộc của Ban Dân tộc tỉnh, Phòng Dân tộc cấp huyện về cơ quan Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ cấp huyện. Điều này sẽ khó khăn cho các địa phương trong việc sắp xếp bộ máy, nhân sự làm công tác dân tộc, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc tại địa phương.

- Huyện Võ Nhai vẫn là một huyện miền núi nghèo, với 10 xã đặc biệt khó khăn, 04 xã và 01 thị trấn thuộc khu vực II, 86 thôn đặc biệt khó khăn. Để đầu tư vào các khu vực này cần nguồn lực rất lớn trong khi thu cân đối ngân sách huyện hàng năm chỉ chiếm khoảng 10% tổng chi ngân sách của huyện và là đơn vị có số thu thấp nhất tỉnh. Đây là thách thức không nhỏ của huyện trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội những năm tới, đặc biệt là công tác dân tộc, việc triển khai các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện.

- Sự bất cập trong các chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chính sách dân tộc. Những xã được đầu tư để đạt chuẩn nông thôn mới sẽ thoát diện đặc biệt khó khăn, khi đó sẽ không được hưởng một số chính sách dân tộc, đồng nghĩa với việc nguồn lực đầu tư sẽ giảm, trong khi việc phấn đấu để đạt chuẩn nông thôn mới đã tiêu tốn rất nhiều nguồn lực của nhà nước cũng như huy động từ người dân, cần phải có lộ trình trả nợ trong nhiều năm. Điều này tạo ra tâm lý một số địa phương không muốn phấn đấu về đích nông thôn mới để được hưởng các chính sách dân tộc.

- Hệ thống chính sách nhiều chồng chéo có những chính sách chưa thật phù hợp, vốn đầu tư ít, dàn trải không tập trung, điều hành chưa đồng bộ. Có nhiều chương trình chính sách để giảm nghèo nhưng thiếu cơ chế phối hợp giữa các bên thực hiện chính sách đây là một yếu tố quan trọng làm cản trở hiệu quả của các dự án. Các chính sách

vừa qua chủ yếu là đầu tư, hỗ trợ cải thiện đời sống ăn ở sinh hoạt chưa quan tâm đến vấn đề dạy cho đồng bào cách tiếp cận, cách tận dụng các lợi thế của mình cộng với sự hỗ trợ của Nhà nước cộng đồng để tự mình vươn lên thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền. Các chính sách đều chung không chú ý đến vùng miền, từng dân tộc, đặc điểm lịch sử, đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán ... Thời gian ngắn (5 năm) chính sách chủ yếu hỗ trợ, chính sách đầu tư ít. Nguồn lực dàn trải chưa tập trung, vốn hàng năm thường không đủ theo định mức. Chưa có chính sách trên lĩnh vực khoa học công nghệ. Chưa có chính sách kết nối sản phẩm của người DTTS.

- Hoạt động của các tà đạo, đạo lạ trong vùng đồng bào DTTS gây khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt là tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh lén lút hoạt động, lôi kéo một số hộ đồng bào dân tộc Mông tin và theo, tiến hành các hoạt động như hội họp, tuyên truyền đạo trái phép, tái xây dựng “nhà đòn” gây bất ổn tại một số xã trong huyện. Bên cạnh đó xuất hiện một số đạo lạ như: Tâm linh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội thánh Đức Chúa trời, Tin lành Trưởng lão cứu rỗi ... đã lôi kéo một số hộ đồng bào tin và theo.

- Trình độ dân trí của người dân trong vùng đồng bào DTTS còn thấp và không đồng đều; một số dân tộc vẫn còn nếp sinh hoạt và canh tác lạc hậu, chưa mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, chưa chú trọng đến sản xuất hàng hóa; một số bộ phận hộ đồng bào còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào chính sách của nhà nước, không muốn thoát nghèo, không tự vươn lên trong sản xuất để xóa đói, giảm nghèo... khó khăn cho các cấp, các ngành triển khai các chính sách dân tộc cũng như vận động đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.

- Việc quy hoạch đất lâm nghiệp theo 03 loại rừng còn bị chồng lấn trong vùng đồng bào DTTS gây khó khăn trong việc bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào. Còn nhiều hộ DTTS sinh sống và canh tác trong vùng lõi của rừng đặc dụng thuộc vùng quản lý của Khu Bảo tồn thiên nhiên Thần Sa – Phụng Hoàng gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ rừng cũng như triển khai các chế độ, chính sách khác.

- Các xã phía Bắc của huyện nằm trong vùng quy hoạch khu vực trọng điểm về an ninh quốc phòng – vùng CT229, khó khăn trong việc thu hút đầu tư các nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức có yếu tố nước ngoài, không có chính sách ưu đãi đầu tư riêng nên còn khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Những khó khăn, thách thức trên đặt ra cho cấp ủy, chính quyền huyện phải có những chủ trương, biện pháp phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc trong thời gian tới.

3.3 Nguyên tắc đề xuất giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai

- Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc trong cán bộ, lãnh đạo các cấp, tới toàn thể công chức, đảng viên và nhân dân, tạo ra sự đồng thuận của người dân trong công tác quản lý nhà nước của huyện; tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.
- Lấy người dân, đồng bào DTTS là đối tượng, là trung tâm của các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt chú trọng đến công tác vận động nhân dân, huy động sức mạnh nội lực, tinh thần vượt khó, vươn lên trong lao động, sản xuất để nâng cao đời sống thu nhập góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững.
- Quán triệt nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trong việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc. Đặc biệt chú trọng tới vùng có đông đồng bào dân tộc Mông sinh sống, chỉ đạo chính quyền các địa phương có những cách thức tuyên truyền, vận động riêng đối với đồng bào Mông, bởi khu vực này tiềm ẩn nhiều vấn đề nhạy cảm về an ninh trật tự, hoạt động của các tà đạo, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo...
- Đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các tiểu vùng trong huyện; tăng cường xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có thu nhập cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường; hạn chế việc hỗ trợ trực tiếp cho hộ đồng bào cá thể, tập trung vào xây dựng mô hình, nhóm hộ cùng tham gia các mô hình, dự án phát triển kinh tế.

3.4 Những giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc huyện Võ Nhai

3.4.1 Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc

Trong giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo, huyện Võ Nhai vẫn sẽ được hưởng đầy đủ các chính sách dân tộc của Trung ương cũng như của tỉnh đầu tư vào

huyện. Đây là nguồn lực không nhỏ giúp huyện phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy cấp ủy, chính quyền huyện, xã phải chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách được hưởng.

Đối với chính sách theo Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: định mức đầu tư 1 tỷ đồng/xã/năm đối với vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và 300 triệu/xã/năm cho vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, tổng số xã được hưởng là 11 xã, nguồn vốn này huyện nên phân bổ hợp lý. Thay vì phân bổ đều cho các xã, huyện nên xem xét, căn cứ vào tình hình thực tế, ưu tiên đầu tư những công trình trọng điểm hoặc có quy mô đầu tư lớn, các công trình bức thiết, đặc biệt là giao thông nông thôn, thủy lợi mà nhiều xã được hưởng lợi để đầu tư, từ đó sẽ phát huy được tối đa hiệu quả của nguồn vốn; tránh tình trạng đầu tư dàn trải như hiện nay, mỗi xã đầu tư một công trình, chỉ đầu tư được công trình nhỏ, số người được hưởng lợi không nhiều, không phát huy hết lợi ích công trình. Trong quá trình thực hiện cần tăng cường sự giám sát của cộng đồng, nhất là đội ngũ người có uy tín đối với các công trình xây dựng; tiếp tục giao cho UBND xã làm chủ đầu tư nhằm nâng cao trách nhiệm của địa phương trong xây dựng, quản lý, sử dụng và duy tu bảo dưỡng công trình.

Đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất nên tập trung đầu tư vào các mô hình, dự án phát triển kinh tế có hiệu quả cao, tránh hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ nhỏ lẻ, định mức hỗ trợ không cao và hiệu quả nguồn vốn không phát huy tối đa. Bên cạnh nguồn vốn hỗ trợ, cần lồng ghép nguồn vốn cho vay để tăng định mức đầu tư, như vậy sẽ giúp người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm với nguồn vốn và tự ý thức vươn lên; đồng thời làm tốt công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như ứng dụng công nghệ sinh học, tiếp cận các mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao và nhân rộng trên địa phương, đưa giống tốt, năng suất cao vào sản xuất...

Đối với chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: qua rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn huyện có 6.035 hộ nghèo có nhu cầu hưởng thụ chính sách, trong đó: số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất ở: 1.550 hộ với tổng diện tích: 34,3845ha; số hộ thiếu đất sản xuất có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề: 2.198 hộ. Tổng nguồn vốn

hỗ trợ trên 15 tỷ đồng, nhu cầu nguồn vốn vay gần 110 tỷ đồng. Có thể thấy nhu cầu về đất ở và đất sản xuất của các hộ đồng bào DTTS trên địa bàn huyện là rất bức thiết. Đối với vấn đề đất ở: hiện nay huyện đang có chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với nhu cầu đất ở của người dân, trong đó chú trọng quy hoạch đất ở đối với những khu vực vùng sâu, vùng xa, những điểm khu dân cư đông để đảm bảo cho người dân có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở được thuận lợi và hợp pháp. Tuy nhiên quỹ đất ở của huyện là tương đối hạn hẹp, phần lớn các hộ đồng bào DTTS ở các xã phía Bắc của huyện đều sinh sống trong vùng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn Thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Do vậy việc điều chỉnh quy hoạch đất trong khu vực này gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó là nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất cho người dân là rất lớn, tuy nhiên việc quy hoạch đất theo 03 loại rừng đối với các xã phía Bắc của huyện còn chông chéo và chưa hợp lý, quy hoạch đất rừng đặc dụng chông lấn đất rừng sản xuất và đất ở của người dân, do vậy khó khăn cho đồng bào trong canh tác, sản xuất. Chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Chính phủ, đối với những hộ đồng bào thiếu đất ở thì UBND tỉnh sẽ xem xét, bố trí ngân sách, tạo quỹ đất ở để cấp cho các hộ thiếu đất, tuy nhiên đối với tỉnh Thái Nguyên hiện nay quỹ đất công, đất chưa sử dụng để quy hoạch đất ở là rất hạn hẹp; vì vậy các huyện căn cứ tình hình quỹ đất, hiện trạng sử dụng đất của người dân tạo điều kiện thuận lợi để người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở cho phù hợp. Đối với những hộ đồng bào thiếu đất sản xuất có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp sẽ được hỗ trợ trực tiếp bằng tiền tối đa 15 triệu đồng/hộ và được ưu tiên vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội để chuyển đổi nghề nghiệp. Tuy nhiên hiện nay nguồn kinh phí để thực hiện nội dung này chưa được cấp trên bố trí. Khi có nguồn vốn phân bổ từ Trung ương, huyện nên xem xét hỗ trợ cho các hộ. Tuy nhiên nên cân nhắc, xem xét hỗ trợ thông qua các mô hình, dự án phát triển sản xuất sẽ phù hợp hơn.

Về chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 1/2/2008 về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện đầy đủ các chế độ,

chính sách đối với người có uy tín; chú trọng việc bồi dưỡng, cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người có uy tín phát huy vai trò trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đối với UBND các xã, thị trấn trên địa bàn cần tăng cường khai thác tối đa vai trò của đội ngũ người có uy tín thuộc địa bàn của mình thông qua các hoạt động như: thăm hỏi, động viên khi ốm đau; tạo điều kiện cho đội ngũ này tiếp cận các thông tin, các chủ trương, quy định của địa phương thông qua các kỳ họp HĐND cấp xã, đây là kênh thông tin rất hữu ích. Việc mời đội ngũ người có uy tín tham dự các kỳ họp HĐND xã, các hội nghị lớn, quan trọng của địa phương có liên quan đến định hướng phát triển, quy định của địa phương vừa thể hiện sự quan tâm của cấp ủy chính quyền đến đội ngũ người có uy tín, đồng thời thông qua đội ngũ này tuyên truyền đến đồng bào DTTS những chủ trương, định hướng, quy định của các cấp và địa phương để người dân hiểu và đồng thuận, từ đó tích cực tham gia thực hiện. Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên môn có liên quan của huyện cần tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, kịp thời phát hiện, tham mưu đề xuất với cấp ủy, chính quyền các cấp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín cũng như việc phát huy vai trò của đội ngũ này.

Việc đầu tư các nguồn vốn từ các chính sách dân tộc nên thực hiện lồng ghép với các nguồn vốn của các chương trình khác như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn đầu tư cho các xã vùng ATK để phát huy được tối đa hiệu quả nguồn vốn, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân.

Bên cạnh đó trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện phải khắc phục những sai sót, những vướng mắc đã được Đoàn thanh tra của Ban Dân tộc tỉnh, các Đoàn giám sát của HĐND huyện đã chỉ ra qua các kết luận thanh tra và kết luận giám sát. Vì vậy các cơ quan chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách, kịp thời phát hiện và khắc phục ngay những vướng mắc, các vấn đề nảy sinh ngay từ cơ sở nhằm giảm thiểu hao tổn về thời gian, kinh phí, ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách.

Việc thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng đồng bào của huyện vì: vốn đầu tư từ các chính sách dân tộc là nguồn lực đầu tư chính và ổn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này cũng cho thấy mỗi

liên hệ mật thiết giữa việc triển khai có hiệu quả công tác dân tộc với việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.4.2 Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS

Xác định tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS, ngày 08/8/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1163/QĐ-TTg về việc ban hành Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021”. Ngày 30/3/2018, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBDT phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021” của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, hàng năm Ban Dân tộc tỉnh đều tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền các chính sách dân tộc, trong đó có nội dung phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng DTTS bằng các đợt tập huấn cho các đối tượng là cán bộ chủ chốt cấp xóm, người có uy tín, người DTTS tiêu biểu trong toàn tỉnh.

Đối với huyện Võ Nhai để nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS trong thời gian tới, huyện cần quan tâm làm tốt các nội dung sau:

- Chú trọng tuyên truyền Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135; các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội vùng DTTS và miền núi, các dân tộc rất ít người. Tuyên truyền việc bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các DTTS gắn với phát triển du lịch; vận động xóa bỏ các hủ tục lạc hậu...
- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng quan điểm, đường lối chiến lược của Đảng ta về đại đoàn kết dân tộc, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dân tộc, các chính sách pháp luật chung và chính sách Dân tộc trong giai đoạn mới, các mục tiêu quốc gia về thiên niên kỷ và chiến lược công tác Dân tộc, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chương

trình phát triển kinh tế xã hội, đảm đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

- Tuyên truyền vận động đồng bào thường xuyên nâng cao cảnh giác trước mọi thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề Dân tộc, Tôn giáo, lợi dụng những khó khăn trong đời sống của đồng bào để lôi kéo, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết Dân tộc.

- Tuyên truyền đồng bào các dân tộc tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, nêu gương các tập thể cá nhân điển hình gương mẫu trong mọi lĩnh vực về làm kinh tế giỏi, giữ gìn an ninh trật tự nông thôn, cải tạo tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, các gương người tốt việc tốt để nhân diện học tập noi theo.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như tranh chấp đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, phòng chống các tai tệ nạn xã hội, buôn bán phụ nữ, trẻ em, phụ nữ bỏ đi khỏi địa bàn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, các luật tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong đồng bào...

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật cho đồng bào DTTS là nhiệm vụ công tác trọng tâm của cả hệ thống chính trị.

- Tăng cường xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tuyên truyền đảm bảo về phẩm chất, năng lực chuyên môn, kỹ năng truyền đạt, am hiểu tâm lý tập quán của đồng bào, trong đó đặc biệt chú trọng đội ngũ tuyên truyền là người địa phương thông thạo tiếng trong từng vùng dân tộc.

- Đổi mới, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật, trong đó lựa chọn hình thức biên soạn tài liệu, cung cấp thông tin tập trung vào trọng tâm, ngắn gọn, người dân dễ hiểu, dễ nhớ khi tiếp cận với các nội dung chính sách, pháp luật, tăng cường nâng cao chất lượng công tác trợ giúp pháp lý, các câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật, các hoạt động đối thoại với nhân dân, sân khấu hóa công tác tuyên truyền

qua các tiểu phẩm, hội thi tìm hiểu pháp luật, phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng và công thông tin điện tử.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật cho đồng bào DTTS là nhiệm vụ trọng tâm, cần thiết và còn nhiều khó khăn do đặc thù của vùng dân tộc, vì vậy cần có sự quan tâm đầu tư hỗ trợ về kinh phí để bảo đảm cho công tác này hoạt động thường xuyên có hiệu quả.

3.4.3 Phát huy vai trò của các cơ quan chuyên môn, cán bộ làm công tác dân tộc trong cơ quan quản lý nhà nước về dân tộc

Công tác dân tộc là công tác ngành, đa lĩnh vực, cần có sự vào cuộc của tất cả các cấp, các ngành. Vì vậy để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lĩnh vực này, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện phải làm tốt vai trò của mình, đặc biệt là triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc thuộc ngành mình phụ trách. Trong đó chủ đạo là các cơ quan:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, chính sách về nước sạch, vệ sinh môi trường... Việc hỗ trợ phát triển sản xuất cho đồng bào không chỉ đảm bảo phải đúng định mức, đúng đối tượng mà còn phải đảm bảo tính kịp thời vụ trong sản xuất, đặc biệt là nội dung hỗ trợ cây giống, con giống. Do vậy nếu như việc hỗ trợ không đảm bảo tính thời vụ thì việc thực hiện hiện chính sách không đem lại hiệu quả.
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện: Chủ trì triển khai chính sách về lao động, việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các chính sách trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chính sách về bảo hiểm y tế, các chính sách an sinh xã hội ... đều liên quan trực tiếp đến đồng bào DTTS, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo. Đây là lĩnh vực rộng, bao trùm nhiều đối tượng khác nhau, nhiều chế độ, định mức hỗ trợ khác nhau đòi hỏi các cán bộ, công chức phụ trách phải có tinh thần trách nhiệm cao, có chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu và đồng cảm với người dân. Bởi nếu thực hiện các chế độ an sinh xã hội không đúng đối tượng sẽ tạo ra những dư luận xấu, nguy cơ xảy ra khiếu kiện, khiếu nại gây bất ổn trong nhân dân.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: Chủ trì thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh là người DTTS, học sinh vùng DTTS, học sinh là con, em thuộc hộ

nghèo,

cận nghèo..., các chính sách đối với đội ngũ giáo viên công tác tại vùng DTTS. Việc triển khai đầy đủ các chính sách đối với học sinh và giáo viên góp phần không nhỏ đến việc nâng cao chất lượng dạy và học ở vùng đồng bào DTTS, nâng cao trình độ dân trí, duy trì mức độ phổ cập các cấp học trên địa bàn huyện.

- Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông: Đây là hai cơ quan có nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện triển khai công tác quản lý nhà nước về văn hóa; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; truyền thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin. Trong thời gian qua, trên cơ sở quán triệt các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch công tác của Huyện ủy, HĐND huyện và UBND huyện; sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn và giúp đỡ của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện đã thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo, chủ động xây dựng kế hoạch và chương trình công tác về thông tin và truyền thông và quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, phối hợp triển khai tổ chức thực hiện kịp thời, sát với tình hình thực tế ở địa phương đặc biệt là ở các xã vùng sâu và các xã đặc biệt khó khăn, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của huyện, của tỉnh; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao nhận thức và đời sống cho nhân dân vùng đồng bào DTTS.

- Phòng Dân tộc huyện: Chủ trì tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện hàng tháng, quý, năm; trực tiếp triển khai chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp triển khai các chính sách cấp không thu tiền một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào DTTS; chính sách theo Đề án 2037, chính sách hỗ trợ muối I ốt của tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở tham mưu, tổng hợp báo cáo việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện cho cấp ủy, chính quyền huyện, Phòng Dân tộc huyện cần chủ động đề xuất, tham mưu cho UBND huyện về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác dân tộc một cách hiệu lực, hiệu quả.

3.4.4 Tăng cường trách nhiệm và phát huy vai trò lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp xã

Việc triển khai các chính sách dân tộc tại các vùng có đông đồng bào DTTS với trình độ văn hóa không đồng đều, tâm lý, nhận thức của người dân khác nhau, đặc biệt một số bộ phận đồng bào còn trông chờ, ỷ lại vào chế độ của nhà nước... đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo ở cơ sở phải có tinh thần trách nhiệm cao và sự đồng cảm với người dân. Đặc biệt cán bộ lãnh đạo cấp xã là người DTTS sẽ có nhiều lợi thế:

- Một là, cán bộ lãnh đạo cấp xã là người DTTS sẽ là người góp phần xây dựng và trực tiếp tổ chức cho nhân dân, nhất là đồng bào DTTS thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cấp xã. Sinh ra, lớn lên từ cộng đồng các DTTS, hơn ai hết, cán bộ cấp xã người DTTS thấu hiểu đặc điểm tình hình vùng miền, phong tục, tập quán, tâm tư, nguyện vọng, thế mạnh và cả điểm yếu của đồng bào DTTS. Vì vậy họ có thể đóng góp nhiều ý kiến vào cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của cấp trên trong xây dựng chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; là lực lượng nòng cốt trong tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào DTTS đoàn kết, đồng lòng thực hiện chủ trương, chính sách đó. Đồng thời, họ cũng là người phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của đồng bào đóng góp cho Đảng, Nhà nước trong hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách cũng như tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày một tốt hơn.

- Hai là, cán bộ lãnh đạo cấp xã là người có ảnh hưởng quan trọng, tích cực đối với cộng đồng DTTS. Trong công tác, cán bộ người DTTS là người lãnh đạo, quản lý, khi về với cuộc sống gia đình, với khu dân cư, họ là những người có uy tín trong gia đình và cộng đồng. Ý kiến của họ có sức thuyết phục, hành động của họ có thể lôi cuốn, lan tỏa rộng. Bởi vậy, trong các phong trào xóa đói giảm nghèo, xóa bỏ hủ tục, xây dựng nếp sống văn minh, xây dựng nông thôn mới... sự đi đầu gương mẫu của họ là tấm gương cho cả cộng đồng noi theo. Tiên bộ khoa học kỹ thuật, phương pháp sản xuất kinh doanh mới, lối sống tuân thủ pháp luật, ý thức cầu thị, tự vươn lên... được lan tỏa trong đời sống cộng đồng DTTS chính nhờ một phần lớn từ đội ngũ cán bộ này. Ở không ít địa phương người DTTS chiếm gần như 100% dân số, cán bộ cấp xã người

DTTS là lực lượng phá vỡ lối sống khép kín của đồng bào. Với kinh nghiệm công tác, với tầm nhận thức cao hơn, nhất là có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cấp xã người DTTS rất có ưu thế khi tiếp cận, giải thích và vận động đồng bào xóa bỏ hủ tục, tâm lý dễ bị kích động bởi những yếu tố cực đoan xuất hiện, bị kẻ xấu kích động dẫn đến chống phá, gây rối, vi phạm pháp luật.

- Ba là, cán bộ cấp xã người DTTS tạo nên sự cân bằng, hài hòa về chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đối với những nơi có đông đồng bào DTTS sinh sống, việc bố trí cán bộ cấp xã người DTTS với những chức danh phù hợp với thế mạnh của họ, nơi ấy hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực và hiệu quả.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, lãnh đạo một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác dân tộc và việc triển khai các chính sách dân tộc trên địa bàn, còn có tâm lý phó mặc cho các cơ quan chuyên môn, không tích cực trong việc phối hợp giữa cấp xã và các cơ quan chuyên môn của huyện dẫn đến việc triển khai một số chính sách còn chậm, muộn, ảnh hưởng đến quyền lợi của đồng bào. Việc vận động người dân tích cực hưởng ứng, tham gia triển khai các chương trình, dự án đầu tư cần có sự tham gia tích cực của các ban ngành, đoàn thể ở cấp xã, tuy nhiên ở một số địa phương không làm tốt công tác này dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng, vận động người dân hiến đất làm đường giao thông, xây dựng các công trình thiết yếu...; không tạo được sự đồng thuận của người dân dẫn đến tiến độ thi công các công trình chậm, tiến độ giải ngân nguồn vốn muộn, giảm hiệu quả đầu tư. Vì vậy việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo cấp xã là rất quan trọng, nó quyết định phần lớn đến hiệu quả của các chính sách dân tộc triển khai trên địa bàn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo cơ sở năng động, sáng tạo, có tâm huyết với sự phát triển của địa phương sẽ tạo được sự đồng thuận của người dân, từ đó tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn tạo ra nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Để phát huy hơn nữa vai trò quan trọng của đội ngũ cán bộ cấp xã người DTTS trong giai đoạn hiện nay, cần:

- Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị ở cơ sở về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã là người DTTS trong

giai đoạn cách mạng hiện nay. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã là người DTTS.

- Cấp ủy các cấp tiếp tục đổi mới trong công tác cán bộ người DTTS. Từ khâu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đến công tác quy hoạch, sắp xếp vị trí công tác phù hợp với trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ cấp xã người DTTS phát huy hết khả năng, sở trường công tác thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, vai trò và nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ cấp xã người DTTS. Việc tuyên truyền không chỉ được thực hiện trong hệ thống chính trị mà còn tuyên truyền trong quần chúng nhân dân. Bởi chính người dân, từ tín nhiệm của mình để bỏ phiếu, bầu đội ngũ cán bộ cấp xã là người DTTS có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.
- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ cấp xã người DTTS về sự cần thiết phải học tập, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng, phương pháp công tác, tu dưỡng đạo đức cách mạng để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ tốt hơn. Từ đó, từng cán bộ cấp xã người DTTS đề cao trách nhiệm chính trị, tinh thần tự giác trong tự học tập, bồi dưỡng năng lực công tác, trình độ chuyên môn để thực sự xứng đáng với vị trí, vai trò của mình.

3.4.5 Huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức đoàn thể vào công tác quản lý nhà nước về dân tộc

Hiện nay chức năng vận động và tham mưu cho cấp ủy huyện về công tác dân tộc đã được bàn giao về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng nhưng cũng rất nặng nề, đòi hỏi cơ quan Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến xã phải có giải pháp triển khai phù hợp, trong đó cần có sự vào cuộc của các tổ chức thành viên là các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến xã. Việc các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án về công tác dân tộc chính là góp phần cho Mặt trận Tổ quốc làm tốt chức năng vận động và tham mưu cho cấp ủy huyện về công tác dân tộc. Phần

lớn đoàn viên của Đoàn thanh niên, hội viên của Hội Nông dân huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đều là người DTTS. Do đó rất thuận lợi trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào tham gia vào việc triển khai các chính sách dân tộc. Để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị trong công tác dân tộc trong thời gian tới cần thực hiện một số định hướng sau [15]:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục quán triệt các quan điểm, nội dung, giải pháp của Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc, Kết luận số 01/KL-ĐCT, ngày 20/8/2015 của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác dân tộc”; đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội; các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận phát động; tuyên truyền vận động giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp tiến bộ của các DTTS nhất là việc gìn giữ tiếng nói, chữ viết, văn học, nghệ thuật, công trình kiến trúc, nghề truyền thống, các phong tục, lễ hội tiến bộ,... Tuyên truyền, vận động thay đổi các thói quen, tập quán lạc hậu, bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc xây dựng những mô hình, điển hình trong thực hiện các nội dung của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, quan tâm xây dựng và nhân rộng các điển hình, mô hình trong các lĩnh vực về chăn nuôi, trồng trọt, kinh doanh, xây dựng trang trại, đồi rừng... giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo ở vùng đồng bào DTTS...

- Chủ động giám sát và chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện rà soát, giám sát, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các chính sách của cấp trên đã ban hành, tập trung là các chính sách về xóa đói, giảm nghèo, giáo dục, y tế, môi trường và văn hóa ở vùng đồng bào DTTS; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn của Ủy ban Mặt trận các cấp; phát huy vai trò của đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên và Ban Thanh tra nhân dân,

tăng cường công tác giám sát đầu tư cộng đồng ở các khu dân cư vùng đồng bào DTTS đối với các chính sách về dân tộc và công tác dân tộc.

- Phối hợp tham gia thực hiện hiệu quả công tác phản biện xã hội thông qua việc tham gia xây dựng các chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế, giữ gìn phát triển văn hóa, xã hội của đồng bào các dân tộc; chương trình, kế hoạch về xóa đói, giảm nghèo ở vùng đồng bào các DTTS, đặc biệt đối với những dân tộc có tỷ lệ phát triển dân số thấp.

- Tập hợp, vận động người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào DTTS tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Chấp hành các đoàn thể cấp huyện, cấp xã. Giới thiệu những người thật tiêu biểu tham gia vào Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện để cá nhân tiêu biểu có cơ hội trao đổi thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, đề xuất các sáng kiến, kiến nghị về các vấn đề quan trọng của địa phương.

- Kiện toàn tổ chức, tăng cường số lượng, chất lượng và chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là người DTTS và cán bộ làm công tác dân tộc của Mặt trận các cấp huyện, cấp xã để làm tốt công tác tham mưu cho Mặt trận trong công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

- Coi trọng phối hợp với các tổ chức thành viên phát triển đoàn viên, hội viên, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn hoạt động, bồi dưỡng phương pháp công tác cho đội ngũ cán bộ người DTTS, bảo đảm điều kiện hoạt động và chế độ chính sách phù hợp cho Ban Công tác Mặt trận và Trưởng ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư vùng đồng bào DTTS.

* Đối với Hội nông dân muốn phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới hiện nay cần thực hiện một số giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và chuyển một bộ phận nông dân sang làm phục vụ tại các ngành công nghiệp và dịch vụ, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện các nội dung [16]:

- Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ dạy nghề, tư vấn hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống và phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công

ngiệp

hóa, hiện đại hóa. Các địa phương cần có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho nông dân để không ngừng nâng cao trình độ sản xuất thâm canh, kiến thức quản lý kinh tế và thị trường. Thông qua đó, giúp nông dân tiếp cận và khai thác có hiệu quả các chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn và huy động tối đa các nguồn vốn, khoa học công nghệ mới, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh trong quá trình phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho nông dân tích cực tham gia các phong trào và các cuộc vận động, nhằm nâng cao trách nhiệm và năng lực thụ hưởng quyền lợi của nông dân. Hiện nay nên tập trung khuyến khích và tạo điều kiện cho nông dân tích cực tham gia 3 phong trào sau:

+ Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng, gồm: Vận động nông dân đăng ký thi đua phấn đấu trong sản xuất, kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở nâng cao chất lượng hàng hóa, nông sản, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng khả năng cạnh tranh hàng hóa trong thời kỳ hội nhập; đoàn kết chia sẻ kinh nghiệm giúp nhau làm giàu; tạo được nhiều việc làm, tăng thu nhập; liên kết liên doanh, tham gia cổ phần các doanh nghiệp, phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng hợp tác xã ở nông thôn.

+ Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới. Trước hết, vận động nông dân tham gia phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ kết cấu hạ tầng nông thôn. Thực hiện chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị và khả năng cạnh tranh cao hơn; góp phần hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung, gắn với thương hiệu sản phẩm và phát triển mạnh theo hướng kinh tế tập thể, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

+ Phong trào nông dân tham gia bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự xã hội và quốc phòng ở nông thôn: Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho nông dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, nhất là âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc, dân chủ để kích động chiến tranh tâm lý chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân Việt Nam là người đại diện và hỗ trợ việc bảo đảm quyền làm chủ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, của nông dân. Tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện các phong trào phát triển kinh tế

- xã hội, tham gia kinh tế hợp tác và hợp tác xã, làng nghề, trang trại và các loại hình kinh tế tập thể khác. Tổ chức hoạt động hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ giúp nông dân phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân.

* Đối với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện trong thời gian tới cần tập trung triển khai các nội dung [17]:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục các tầng lớp phụ nữ thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy sức mạnh, thế mạnh của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực; đồng thời chăm lo bảo vệ phẩm giá, quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ là người dân tộc thiểu số.

- Hội cần tiếp tục tổ chức và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động để thu hút đông đảo chị em tham gia, đóng góp công sức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như chủ động giải quyết những vấn đề của chính phụ nữ ngay từ cơ sở. Cần nghiên cứu phát động nhiều phong trào thiết thực hơn nữa nhằm thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, động viên phụ nữ thực hiện các phong trào thi đua do Hội phát động. Hưởng ứng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các phong trào Vì người nghèo, mái ấm tình thương, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh... Tăng cường nêu gương người tốt việc tốt, nhân rộng điển hình tiên tiến.

- Nâng cao vai trò của phụ nữ và tổ chức Hội trong xây dựng gia đình; đặc biệt quan tâm xây dựng gia đình văn hóa no ấm, hạnh phúc, tiến bộ; chăm sóc, giáo dục trẻ em. Các cấp hội tiếp tục tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ thực hiện các chính sách về hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ - trẻ em, bảo vệ môi trường... Phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể, bồi dưỡng cho phụ nữ kiến thức về

nuôi dạy

con, tổ chức cuộc sống gia đình, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ thuần phong, mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội các cấp, đáp ứng yêu cầu công tác Hội trong giai đoạn mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có tư duy sáng tạo, nhiệt tình, tâm huyết với công tác Hội; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có phương pháp vận động phụ nữ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ qua hoạt động thực tiễn. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn giới thiệu những chị em có đủ tiêu chuẩn tham gia các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện nhà.

* Đối với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện trong thời gian tới cần tập trung một số nội dung [18]:

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020”. Coi trọng tuyên truyền, giáo dục thanh niên sống có lý tưởng cách mạng, có niềm tin và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

- Tổ chức sáng tạo, hiệu quả các phong trào hành động cách mạng phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các cấp bộ đoàn phát huy thanh niên xung kích trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương và tập trung triển khai 3 phong trào hành động cách mạng: “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc” trong từng nhóm đối tượng, tiếp tục duy trì các phong trào đặc thù.

- Chăm lo củng cố, xây dựng tổ chức Đoàn thực sự vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và hành động. Trong công tác xây dựng Đoàn, chất lượng cán bộ đoàn là trọng tâm, nâng cao chất lượng cơ sở đoàn là đột phá. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình và tổ chức hoạt động của Đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trọng tâm là tổ chức Đoàn trên địa bàn dân cư.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức Đoàn các cấp trong phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Đoàn tiếp tục xác định xây dựng Đội là xây dựng Đoàn trước một bước. Hội đồng Đội các cấp tổ chức phong trào “Thiếu nhi Việt Nam thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy” để giáo dục, rèn luyện thiếu nhi về lòng yêu nước, đạo đức, lối sống, tác phong; về học tập và rèn luyện; về sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng trong cuộc sống đối với thanh thiếu niên là người dân tộc thiểu số.

3.4.6 Tăng cường sự tham gia của đồng bào DTTS vào công tác quản lý nhà nước về dân tộc

Đồng bào DTTS chính là mục tiêu, đối tượng và là đích đến của công tác dân tộc. Tất cả các chế độ, chính sách, các chương trình, dự án đều nhằm vụ phụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTS. Chính vì vậy, sự tham gia tích cực của đồng bào sẽ giúp nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về dân tộc. Trong những năm qua, phần lớn đồng bào DTTS trên địa bàn huyện đều tích cực hưởng ứng, tham gia vào việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do Trung ương và tỉnh triển khai, kết quả đã mang lại diện mạo mới cho vùng đồng bào DTTS của huyện về cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, đời sống văn hóa tinh thần... Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không ít hộ đồng bào vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào chế độ chính sách của nhà nước, không muốn tự vươn lên trong lao động sản xuất, đặc biệt là các hộ đồng bào Mông. Điều này tạo ra những khó khăn trong việc triển khai các chương trình, chính sách, đặc biệt là chương trình giảm nghèo. Mỗi chính sách triển khai đều có những giai đoạn nhất định, sau đó trên cơ sở đánh giá, tổng kết, các cấp, các ngành sẽ quyết định có nên tiếp tục thực hiện hay tích hợp vào chính sách khác hoặc ban hành chính sách mới. Do đó công tác tuyên truyền, vận động cho đồng bào hiểu được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước đối với vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS

là rất quan trọng. Bên cạnh việc tích cực tham gia, hưởng ứng thực hiện các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước, bản thân mỗi hộ đồng bào DTTS phải phát huy tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn để vươn lên trong lao động, sản xuất, tự xóa đói, giảm nghèo, không trông chờ vào chế độ, chính sách của Nhà nước, khi đó mới tiến đến việc giảm nghèo bền vững.

Kết luận chương 3

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Võ Nhai trong những năm tới là rất nặng nề và khó khăn, trong đó có những mục tiêu liên quan đến công tác dân tộc, việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai trong những năm tới đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức đòi hỏi cấp ủy, chính quyền huyện phải có những quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt, phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trước hết cần tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc. Lấy người dân, đồng bào DTTS là đối tượng, là trung tâm của các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Quán triệt nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trong việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc. Đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các tiểu vùng trong huyện.

Những giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn là: Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc; Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS; Phát huy vai trò của các cơ quan chuyên môn, cán bộ làm công tác dân tộc trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc; Tăng cường trách nhiệm và phát huy vai trò lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp xã; Huy động sự tham gia đóng góp của các tổ chức đoàn thể vào công tác quản lý nhà nước về dân tộc; Tăng cường sự tham gia của đồng bào DTTS.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Võ Nhai là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Thái Nguyên, có tổng diện tích tự nhiên là 83.943ha, dân số trung bình năm 2018 là 68.177 người, trong đó người DTTS chiếm gần 70%; toàn huyện có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 14 xã và 01 thị trấn, trong đó có 10 xã khu vực III, 04 xã và thị trấn thuộc khu vực II theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Huyện có địa bàn trải rộng, địa hình phức tạp với phần lớn diện tích là núi đá vôi, chia cắt bởi các sông, suối nhỏ. Kinh tế của huyện chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi. Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là huyện được thụ hưởng đầy đủ các chính sách dân tộc đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; sự chỉ đạo sát sao của tỉnh cùng với sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở, sự tích cực, quyết tâm khắc phục khó khăn, đoàn kết, vươn lên của nhân dân các dân tộc trong huyện, kinh tế

- xã hội của huyện tiếp tục từng bước được khẳng định, an ninh, quốc phòng được củng cố và giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về dân tộc được cấp ủy, chính quyền huyện quan tâm, các chính sách dân tộc được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Cơ sở hạ tầng vùng đồng bào DTTS từng bước được đầu tư, hoàn thiện đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của người dân; các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã giúp đồng bào có thêm vốn để đầu tư sản xuất, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống và vươn lên thoát nghèo. Các chính sách về văn hóa, y tế, giáo dục được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, nhận được sự đồng thuận của người dân. Đa số đồng bào DTTS luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm của các cấp, các ngành đối với đồng bào vùng DTTS. Tuy nhiên trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về dân tộc trên địa bàn huyện vẫn còn những hạn chế cần đánh giá, nhìn nhận thẳng thắn để đề ra những giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 là “*Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng huyện Võ Nhai phát triển bền vững*”. Cấp ủy, chính quyền

và nhân dân huyện Võ Nhai sẽ quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghị quyết đã đề ra, xây dựng huyện nhà ngày một phát triển, trong đó cần sự đóng góp không nhỏ của công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

2. Kiến nghị

Trong quá trình tham mưu, tổ chức triển khai công tác dân tộc, các chính sách dân tộc trên địa bàn thời gian qua có những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết cụ thể:

- Việc có nhiều chính sách cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tình chất hỗ trợ 100% nên làm nảy sinh tâm lý trông chờ vào chính sách của một bộ phận hộ nghèo vùng DTTS, không muốn thoát nghèo, không tự vươn lên trong lao động sản xuất. Mặt khác đối tượng hưởng lợi là hộ nghèo và cận nghèo do đó khả năng đối ứng còn hạn chế; việc huy động các nguồn xã hội hóa cho việc thực hiện các chương trình, chính sách đã được các cấp chủ động thực hiện nhưng kết quả chưa đáng kể.
- Cần có một chính sách chung, thống nhất cho đối tượng người nghèo, cận nghèo, người DTTS vùng đặc biệt khó khăn để có sự thống nhất trong triển khai, thực hiện, tăng định mức đầu tư, tránh sự chồng chéo, nhiều chính sách hỗ trợ như hiện nay nhưng định mức đầu tư lại không cao, đầu tư dàn trải, không mang lại nhiều hiệu quả.
- Thủ tục, quy trình để thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng của các chính sách còn rườm rà, phức tạp dẫn đến công tác chuẩn bị đầu tư kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thi công và thanh quyết toán nguồn vốn.
- Các địa phương đặc biệt khó khăn thường có xuất phát điểm về kinh tế - xã hội thấp, trình độ dân trí không đồng đều, có địa bàn trải rộng, địa hình phức tạp nên đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn. Mặt khác, định mức đầu tư hỗ trợ của các chính sách còn thấp so với nhu cầu thực tế của các địa phương nghèo nói chung và huyện Võ Nhai nói riêng.

2..1 Kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Dân tộc Trung ương

- Đề nghị Quốc hội chỉ đạo các cơ quan có liên quan sớm nghiên cứu và ban hành Luật Dân tộc. Hiện nay trong hệ thống các văn bản pháp luật về công tác dân tộc, văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất là Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc. Luật Dân tộc ra đời nhằm quy định một

cách bao quát,

đồng bộ, tạo hành lang pháp lý ổn định lâu dài, làm cơ sở pháp luật thống nhất cho việc triển khai thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

- Đề nghị Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, ban hành các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS có tính chất giai đoạn, giá trị thực hiện lâu dài, đồng thời bố trí nguồn vốn thực hiện kịp thời, tránh tình trạng chính sách ban hành một thời gian dài nhưng không có kinh phí để thực hiện. Việc hướng dẫn về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cần đảm bảo hợp lý, kịp thời vụ.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định quy định cụ thể số lượng, chức năng nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Trong giai đoạn hiện nay, trên tinh thần triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, một số tỉnh đã thực hiện việc giải thể Phòng Dân tộc cấp huyện để sáp nhập vào các cơ quan khác, tuy nhiên đối với tỉnh Thái Nguyên chưa triển khai thực hiện việc này mà đang chờ hướng dẫn của Trung ương, đặc biệt là nghị định mới của Chính phủ quy định về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Điều này cũng ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc từ cấp tỉnh đến cấp huyện, làm ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai công tác dân tộc trên địa bàn.

- Các bộ, ngành hữu quan cần tính toán, xác định vốn đầu tư từ Chương trình 135 phù hợp hơn đối với từng vùng, miền trong cả nước; có cơ chế, chính sách đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp, các nhà đầu tư đầu tư vào các địa phương thuộc Chương trình 135 để hỗ trợ địa phương giải quyết việc làm, từng bước nâng cao mức sống cho người dân; Việc tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc nên thực hiện ít nhất 2 năm/lần để đánh giá một cách hiệu quả vốn đầu tư trồng trọt, chăn nuôi... cho các hộ nghèo; Ủy ban Dân tộc Trung ương có hướng dẫn về nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong thực hiện Chương trình 135; có chính sách khích lệ đối với xã hoàn thành sớm mục tiêu Chương trình 135...

- Đề nghị các cấp có chính sách hỗ trợ đầu tư cho huyện Võ Nhai xây dựng khu tái định cư cho đồng bào sinh sống trong vùng rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng.
- Đề nghị cấp trên có chính sách đặc thù riêng đầu tư cho các xã thuộc vùng CT229 của huyện Võ Nhai.

2.2 Kiến nghị với tỉnh Thái Nguyên

Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao đối với huyện Võ Nhai trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và công tác dân tộc nói riêng. Đề nghị các sở, ban ngành của tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh tiếp tục tạo điều kiện phối hợp thường xuyên với huyện trong việc triển khai các chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn trong thời gian tới. Đề nghị UBND tỉnh xem xét tiếp tục có những chính sách đối với vùng có đông đồng bào Mông sinh sống của huyện sau khi Đề án 2037 kết thúc vào năm 2020.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, 1992.
- [3] Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc, 2003.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, 2016.
- [5] Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, *Báo cáo tổng kết chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, UBND tỉnh Quảng Ninh, 2018.
- [6] Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, *Báo cáo tổng kết chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*, UBND tỉnh Cao Bằng, 2018.
- [7] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Niên giám thống kê năm 2016, 2017, 2018, Thái Nguyên: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên.
- [8] Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2016, 2017, 2018.
- [9] Huyện ủy Võ Nhai, Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương khóa IX về công tác dân tộc trên địa bàn huyện Võ Nhai, Huyện ủy Võ Nhai, 2019.
- [10] Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Võ Nhai giai đoạn 2016-2018*, UBND huyện Võ Nhai, 2018.
- [11] Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2016, 2017, 2018*.
- [12] Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn huyện Võ Nhai*, 2018.
- [13] Huyện ủy Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện Võ Nhai*, Huyện

ủy Võ Nhai, 2018.

- [14] Đảng bộ huyện Võ Nhai, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ huyện Võ Nhai, 2015.
- [15] Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016, 2017, 2018.*
- [16] Hội Nông dân huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016, 2017, 2018.*
- [17] Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016, 2017, 2018.*
- [18] Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Võ Nhai, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016, 2017, 2018.*

PHỤ LỤC SỐ 01: KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2016-2018

T T	Đơn vị (xã, thị trấn)	Năm 2016(thời điểm 31/12/2015)						Năm 2017 (thời điểm 31/12/2016)						Năm 2018 (thời điểm 31/12/2018)					
		Hộ nghèo				Hộ cận nghèo		Hộ nghèo				Hộ cận nghèo		Hộ nghèo				Hộ cận nghèo	
		Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Trong đó		Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Trong đó		Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Trong đó		Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo
				Số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS					Số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS					Số hộ nghèo người DTTS	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS		
1	2	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	21	22	23	24	25	26
1	Lâu Thượng	300	17,32	190	63,33	137	7,91	258	14,28	163	63,18	151	8,36	123	6,91	86	69,92	153	8,59
2	TT Đình Cả	158	17,16	111	70,25	57	6,19	120	13,02	81	67,50	63	6,83	36	3,86	22	61,11	57	6,12
3	Liên Minh	604	56,08	458	75,83	121	11,23	573	52,67	39	6,81	145	13,33	344	30,71	204	59,30	220	19,64
4	La Hiền	273	13,04	211	77,29	121	5,78	187	8,71	150	80,21	97	4,52	98	4,44	82	83,67	83	3,76
5	Tràng Xá	833	39,61	455	54,62	253	12,03	737	35,05	623	84,53	311	14,79	311	14,24	168	54,02	467	21,38
6	Thượng Nung	289	58	289	100	37	7	276	54,33	276	100	53	10,43	230	44,66	230	100,0	82	15,92
7	Nghinh Tường	375	57	375	100	91	14	352	53,66	352	100	113	17,23	283	42,43	278	98,23	167	25,04
8	Phượng Giao	587	57,72	284	48,38	94	9,24	532	51,5	298	56,0	112	10,84	394	37,52	214	54,31	151	14,38
9	Vũ Chấn	317	47,74	317	100	92	13,86	290	42,96	289	99,66	100	14,81	192	27,47	192	100	115	16,45
10	Bình Long	543	37,63	247	45,49	182	12,61	567	38,6	355	62,61	268	18,24	370	25,19	214	57,84	284	19,33
11	Cúc Đường	220	36,18	216	98,18	126	20,72	232	37,72	231	99,57	128	20,81	192	30,19	192	100	143	11,48
12	Thần sa	297	50,60	297	100	74	12,61	255	42,43	255	100	97	16,14	185	30,78	185	100	110	18,3
13	Dân Tiến	691	42,65	512	74,10	267	16,48	578	35,68	521	90,14	342	21,11	276	16,63	207	75,00	396	23,86
14	Sáng Mộc	368	59	368	100	84	13	343	54,79	343	100	96	15,34	277	43,49	277	100	80	12,56
15	Phú Thượng	187	15,56	168	89,84	134	11,15	141	11,69	125	88,65	135	11,19	68	5,44	57	83,82	108	8,64
	Cộng	6.042	35,86	4.498	74,45	1.870	12,95	5.441	31,86	4.101	75,4	2.211	12,95	3.379	19,41	2.608	77,18	2.616	15,03

**PHỤ LỤC SỐ 02: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2016-2018**

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế	%	2,52	4,70	8,65
2	Cơ cấu kinh tế	%			
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	40,97	41,43	39,90
	Công nghiệp và xây dựng	%	52,21	51,63	53,37
	Dịch vụ	%	6,82	6,94	6,73
3	Về Nông nghiệp, lâm nghiệp:				
3.1	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	51.850	49.358	52.880
	Sản lượng thóc	Tấn	25.250	24.714	26.273
	Sản lượng ngô	Tấn	26.600	24.644	26.607
3.2	Diện tích trồng rừng mới	Ha	1.405,60	1.857,50	1.212,43
3.3	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	66	69,98	70,01
3.4	Số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Hộ	67.484	71.185	72.591
3.5	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	86,93	89,41	93,48
4	Lao động, việc làm, xuất khẩu:				
4.1	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	618	676	680
	Trong đó: số lao động người DTTS được tạo việc làm mới	Người			
4.2	Số lao động đi xuất khẩu	Người	60	83	58
	Trong đó: số lao động người DTTS đi xuất khẩu	Người	56	71	45
5	Về Y tế:				
5.1	Số Trạm Y tế xã có bác sĩ	Trạm	15	15	15
5.2	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020	Xã	15	15	15
5.3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	17,2	15,9	15,3
5.4	Tỷ lệ mắc các bệnh về tuyến giáp do thiếu Iốt		0,0003	0,0005	0,0003
6	Về Văn hóa:				
6.1	Số xã có Nhà văn hóa xã, thị trấn	Nhà	10	15	15
6.2	Số xóm bản có Nhà văn hóa xóm	Nhà	167	167	168
	Số Nhà văn hóa xóm được xây dựng kiên cố	Nhà	100	121	139
6.3	Số gia đình đạt gia đình văn hóa	Gia đình	13.738	14.342	14.604
	Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa	%	81	84	85
6.4	Số xóm bản đạt xóm bản văn hóa	Xóm	117	121	129
	Tỷ lệ xóm bản đạt xóm bản văn hóa	%	67,2	69,5	74,14
6.5	Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình VN	%	100	100	100
6.6	Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói VN	%	100	100	100
7	Về Giáo dục Đào tạo:				
7.1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	14.818	15.279	15.783
	Mẫu giáo	Học sinh	5.027	5.042	5.075
	Tiểu học	Học sinh	5.875	6.173	6.561
	Trung học cơ sở	Học sinh	3.916	4.064	4.147
	Trong đó: học sinh Trường Dân tộc nội trú	Học sinh	255	262	269
7.2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	61,5	66	65,6
7.3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:				
	Tiểu học	%	98,6	100	100
	Trung học cơ sở	%	91,1	93,6	97,3
7.4	Số trường học đạt chuẩn quốc gia	Trường	34	38	42
	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	53,1	59,4	65,6
8	Các nội dung khác:				
8.1	Số xã có chợ xã, liên xã	Xã	9	9	9
8.2	Số hộ được sử dụng điện	Hộ	16.251	16.301	16.756
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	96,2	96,5	98,6

PHỤ LỤC 03: TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨ NHAI GIAI ĐOẠN 2016-2018

STT	Nhóm lĩnh vực/Tên chính sách	Tổng nhu cầu kinh phí theo mục tiêu chính sách (Tỷ đồng)	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2018 (Tỷ đồng)			
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	KP hỗ trợ từ TC Q. tế, ĐN, người dân
A	Chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành					
I	Nhóm các chương trình mục tiêu quốc gia					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		71,7822	54,973	0,611	16,198
1.1	Chương trình 135		57,2171	54,382	0,548	2,2865
1.2	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin		14,341	0,407	0,023	13,911
1.3	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình		0,224	0,184	0,040	0
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới		260,2259	49,2479	65,782	145,1960
	Tổng cộng		332,008	104,2212	66,3934	161,3935
II	Nhóm chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo lĩnh vực, theo ngành					
1	Nhóm chính sách phát triển sản xuất		22,6481	11,6176	0	11,0305
1.1	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo vùng khó khăn (theo QĐ số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của TT CP)	6,263	6,263	6,263	0	0
1.3	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS (Theo QĐ số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của TT CP)	13,4315	13,4315	5,355	0	8,0765
1.4	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS (Theo QĐ số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của TT CP)	14,4205	2	0	0	2
1.5	Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ DTTS đặc biệt khó khăn (Theo QĐ số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của TT CP)	0,954	0,954	0	0	0,954
2	Nhóm chính sách về dạy nghề, việc làm, giảm nghèo		1,2472	1,1972	0,05	0
3	Chính sách cán bộ người DTTS, người uy tín		0,1224	0,1224	0	0
3.1	Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ	0,1224	0,1224	0,1224	0	0
4	Nhóm chính sách về y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe		104,003	102,073	1,930	0
4.1	Chính sách cấp thẻ BHYT cho người nghèo, người DTTS đặc biệt khó khăn		102,729	102,073	0,656	0
4.2	Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số (Theo NĐ số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của CP)	1,5	1,274	0	1,274	0

STT	Nhóm lĩnh vực/Tên chính sách	Tổng nhu cầu kinh phí theo mục tiêu chính sách (Tỷ đồng)	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2018 (Tỷ đồng)			
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	KP hỗ trợ từ TC Q. tế, ĐN, người dân
5	Nhóm chính sách phát triển giáo dục		52,833	52,833	0	0
5.1	Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Theo ND số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)		27,612	27,612	0	0
5.2	Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập (Theo ND số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ)		15,710	15,710	0	0
5.3	Chính sách phát triển giáo dục mầm non (Theo QĐ số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của TT CP)		7,785	7,785	0	0
5.4	Phụ cấp trách nhiệm cán bộ giáo viên giảng dạy tại các trường PTDT bán trú		1,726	1,726	0	0
6	Nhóm chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa, thông tin tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số		1,865	0	1,865	0
7	Chính sách về bảo vệ rừng		15,9328	15,9328	0	0
8	Chính sách phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý		0,038	0,0376	0	0
9	Chính sách khoa học công nghệ		4,0366	0	3,7517	0,2848
	Tổng cộng		202,7256	183,8136	7,5967	11,3153
B	Chính sách do địa phương ban hành					
1	Đề án 2037 (theo QĐ 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên)	46,4495	23,2421	0,9901	14,3658	7,8862
1.1	Hỗ trợ trồng ngô lai	6,6075	6,0060	0,9901	4,0127	1,0032
1.2	Hỗ trợ trồng cây ăn quả	0,55	0,40		0,40	
1.3	Hỗ trợ chăn nuôi trâu bò	2,619	7,9415		1,0585	6,8830
1.4	Đầu tư xây dựng	36,673	8,8941		8,8941	
2	Hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo (Theo Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên)		3,842	0	3,842	0
	Tổng cộng		27,0841	0,9901	18,2078	7,8862